

Số: 52/BC-UBND

Tiên Cường, ngày 16 tháng 7 năm 2024

## BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện các tiêu chí Nông thôn mới nâng cao giai đoạn  
2021 - 2025 xã Tiên Cường, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng**

### I. Đặc điểm tình hình chung

#### 1. Tóm tắt về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của xã

##### 1.1. Vị trí địa lý

Xã Tiên Cường diện tích tự nhiên 564,6 ha; nằm cách trung tâm huyện Tiên Lãng 6,5 km về phía Tây Bắc và cách trung tâm Thành phố khoảng 20 km về phía Tây Nam, bao gồm 6 thôn, địa giới hành chính xã được xác định như sau:

- + Phía Bắc, Tây Bắc: giáp quốc lộ 10, xã Đại Thắng, xã Quang Trung huyện An Lão;
- + Phía Đông: giáp xã Tự Cường;
- + Phía Nam: giáp sông Mới, xã Quyết Tiến, xã Giang Biên huyện Vĩnh Bảo;
- + Phía Tây: giáp xã Nguyên Giáp và xã Quang Trung huyện Tứ Kỳ tỉnh Hải Dương.

Trên địa bàn xã có 6 thôn, tổng dân số của xã là 6.973 khẩu, tổng số hộ 1.972 hộ. Trong đó chủ yếu là các hộ sản xuất nông nghiệp và một số nhỏ là hộ kinh doanh buôn bán nhỏ ở xen lẫn với các thôn xóm khu dân cư. Trên địa bàn xã có 3 trang trại (chăn nuôi lợn, nuôi gà, nuôi vịt) tại thôn Sinh Đan, Thiên Kha và nhiều gia trại nhỏ nằm trong khu dân cư và các địa bàn thôn khác trong xã.

Trên địa bàn có 3 trường học, 1 trạm y tế, 2 doanh nghiệp hoạt động trong cụm công nghiệp Tiên Cường I, diện tích 10 ha; đang triển khai đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp Tiên Cường II, diện tích 50 ha.

Đến nay, kinh tế - xã hội của địa phương có bước phát triển rõ rệt, thu nhập và mức sống của người dân trên địa bàn xã đã được cải thiện và từng bước nâng cao chất lượng sống; môi trường sinh thái được bảo vệ và phát triển; quốc phòng và an ninh, an toàn xã hội được bảo vệ và giữ vững.

Đảng bộ xã có 340 đảng viên, tổng số cơ sở Đảng có 13 chi bộ (trong đó có 01 chi bộ Hợp tác xã, 03 chi bộ trường học và 1 chi bộ Công an xã, 01 chi bộ quân sự, 01 chi bộ y tế, 6 chi bộ nông nghiệp)

Tổng diện tích đất tự nhiên của xã: 564,6 ha. Trong đó:

- + Đất nông nghiệp diện tích: 265,4 ha;
- + Đất phi nông nghiệp: 296,7 ha;
- + Đất khác: 2,55 ha.

## **1.2. Khí hậu, thời tiết**

- Thiên tai chịu ảnh hưởng của gió bão, thủy triều. Xã Tiên Cường nằm trong khu vực khí hậu nhiệt đới gió mùa. Nhiệt độ không khí trung bình năm là 23,5 °C, tháng nóng nhất là tháng 6, tháng 7 có nhiệt độ trung bình là 28,5 °C. Tháng có nhiệt độ thấp nhất là tháng 1, tháng 2 nhiệt độ trung bình 17,5 °C, thấp nhất 10 °C. Khí hậu chia làm 2 mùa: mùa nóng từ tháng 4 đến tháng 9 và mùa lạnh từ tháng 10 đến tháng 3 năm sau. Chênh lệch nhiệt độ hai mùa rất rõ rệt: 10-11 °C.

- Độ ẩm không khí trung bình cả năm: 91%, độ ẩm trung bình lúc 13 giờ là 90%, độ ẩm thấp nhất tháng 1: 88%, cao nhất tháng 2-4: 9 - 96%, độ ẩm thấp nhất tuyệt đối: 56%. Độ ẩm không khí chịu ảnh hưởng theo mùa, gió và thủy triều vùng ven biển. lượng bốc hơi nước hàng năm bình quân 700 mm. Trong những tháng khô hanh chế độ nước cân bằng; lượng bốc hơi lớn hơn lượng mưa nên xảy ra khô hạn, thiếu nước.

Xã Tiên Cường chịu ảnh hưởng của hai loại gió chính: Gió mùa Đông Bắc vào mùa khô (từ tháng 10 đến tháng 3 năm sau) tốc độ gió trung bình 2,2 m/s. Gió Đông nam vào mùa mưa (từ tháng 5 đến tháng 10) vận tốc gió trung bình 2,5 m/s.

## **1.3. Tài nguyên đất**

Đất xã Tiên Cường hình thành do diễn thể xâm thực và bồi lắng phù sa sông biển hàng triệu năm. Đất phù sa nâu vàng nhạt được bồi lắng, chiếm 43,27 % tổng diện tích tự nhiên, phân bố ở các thôn. Đất được hình thành trên địa hình thấp trũng khó thoát nước, gây nên yếm khí trong đất xuất hiện, xuất hiện tầng lầy. Đất có thành phần cơ giới từ trung bình đến nặng, có phản ứng chua, hàm lượng đạm trung bình, (0,1 – 0,15 %), lân dễ tiêu nghèo, kali dễ tiêu nghèo. Đây là loại đất tốt đang được sử dụng trồng lúa, vùng đất cao có thể thâm canh tăng vụ, ngoài 2 vụ lúa còn có thể trồng thêm rau, màu vụ đông, xây dựng vùng chuyên canh về Dưa Hấu tại khu vực thôn Đại Công.

Đất phèn ít, mặn ít (SiMi), phân bố ở ven sông. Đất được hình thành do phù sa sông biển lắng đọng lại, Đất có thành phần cơ giới nặng, hàm lượng chất hữu cơ cao, lân tổng số trung bình hoặc nghèo lân dễ tiêu và rất nghèo, kali tổng số và kali trao đổi ở mức giàu. Tầng mặt có phản ứng chua hoặc ít chua, tầng chứa vật liệu sinh phèn rất chua. Đây là loại đất đang được sử dụng trồng lúa và nuôi trồng thủy sản. Vùng đất chua cần bón vôi hoặc lân N – P – K có tính kiềm, hoặc dùng nước ngọt rửa mặn, ém phèn và không để phèn bốc lên tầng canh tác.

#### **1.4. Tài nguyên nước**

- Nguồn nước mặt khá dồi dào: Ngoài sông Văn Úc, sông Thái Bình, sông Mới, còn có hệ thống kênh, mương, ao, hồ nằm rải rác trên địa bàn xã là nguồn cung cấp nước ngọt chủ yếu cho sản xuất nông nghiệp và đời sống sinh hoạt của dân cư.

- Sông Văn Úc nằm ở phía Đông bắc của xã với chiều dài 0,6 km trên tổng chiều dài chảy qua huyện Tiên Lãng là 25,0 km, bề rộng của sông chảy qua địa bàn xã trung bình từ 200 m đến 300 m, độ sâu trung bình từ 8 m đến 10 m.

- Sông Thái Bình, sông Mới nằm ở phía Nam của xã với chiều dài 2,8 km trên tổng chiều dài chảy qua huyện, cao độ mực nước trung bình : 2,91 m, Chiều rộng của sông: Mùa lũ: B= 255 m; Mùa cạn: B= 190 m.

#### **1.5. Truyền thống văn hóa, lịch sử**

Xã Tiên Cường là miền quê có bề dày lịch sử hình thành và phát triển từ lâu đời, có nền văn hóa đa dạng phong phú, mang nhiều nét độc đáo của nền văn minh lúa nước sông Hồng, dân cư sống quần tụ theo thôn xóm với những đặc trưng cơ bản của con người Việt Nam đó là: Yêu nước, tự hào, tự cường dân tộc, cần cù, chịu khó lao động, dũng cảm, mưu trí trong chiến đấu, yêu thương con người, hiếu học, tôn sư trọng đạo, coi trọng hiền tài.

Cùng với truyền thống lịch sử yêu nước và niềm tự hào dân tộc, đã sinh ra những người con em dân tộc trên địa bàn huyện, xã nhà, với tinh thần đoàn kết và cần cù chịu khó, không ngừng học hỏi và sáng tạo, tiếp thu khoa học kỹ thuật, tinh hoa của nhân loại, để góp phần xây dựng quê hương ngày một giàu đẹp, đó cũng là một lợi thế quan trọng của xã nhà.

Với truyền thống văn hóa lịch sử con cháu Vua Hùng, gia đình gắn với quốc gia, dân tộc, ký ức cội nguồn tiên tổ sâu nặng, làng xã gắn bó quan hệ mật thiết với nhau trong mọi hoạt động sống, từ trồng trọt, chăn nuôi, kinh doanh buôn bán, cũng như trong các hoạt động tín ngưỡng, tâm linh, tổ chức lễ hội truyền thống theo phong tục tập quán địa phương, do vậy người dân địa phương luôn luôn đoàn kết, hỗ trợ, hợp tác cùng phát triển trong kinh tế và duy trì nếp sống văn hóa dân tộc.

### **2. Điều kiện kinh tế - xã hội**

#### **2.1. Hệ thống chính trị**

Hệ thống chính trị từ xã đến thôn, đơn vị không ngừng được củng cố và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, hoàn thành toàn diện nhiệm vụ được giao.

- Xây dựng Đảng: Đảng ủy bám sát sự lãnh đạo của Huyện ủy, HĐND, UBND huyện, phát huy đoàn kết, chủ động đề ra các Nghị quyết lãnh đạo hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu nhiệm vụ. Các chi bộ phát huy vai trò lãnh đạo toàn diện, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ và hoạt động của chi ủy.

- Hoạt động HĐND: Lãnh đạo tổ chức thành công 04 kỳ họp HĐND xã, trong đó có 02 kỳ họp thường lệ và 02 kỳ họp chuyên đề thông qua quy hoạch chung xây

dựng xã Tiên Cường đến năm 2030. Tổ chức 01 cuộc giám sát về công tác thu, chi tài chính năm học 2023-2024 đối với trường Mầm non Tiên Cường.

- Ủy ban nhân dân xã: Thực hiện nghiêm túc quy chế làm việc của UBND xã nhiệm kỳ 2021-2026, Quy chế dân chủ ở cơ sở. Phát huy vai trò tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách với tinh thần tập trung cao, chủ động, sáng tạo trong công tác chỉ đạo và điều hành thực hiện các nhiệm vụ của Đảng ủy - HĐND - UBND xã đề ra. Chỉ đạo thực hiện tốt các nhiệm vụ kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, nâng cao đời sống nhân dân và những nhiệm vụ quan trọng khác của địa phương. Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới. Tăng cường công tác quản lý cán bộ, công chức, chế độ làm việc, thực thi công vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Phát huy vai trò của Mặt trận tổ quốc và các Đoàn thể quần chúng:

+ UBMTTQVN xã: Tổ chức giám sát việc tiếp nhận, trao, tặng quà cho các gia đình chính sách, người có công; hộ nghèo, cận nghèo có hoàn cảnh khó khăn được đảm bảo đúng đối tượng. Triển khai kế hoạch tuyên truyền về thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; xây dựng kế hoạch tổ chức hội nghị đối thoại giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với nhân dân. Năm 2023 tập thể UBMTTQ VN xã đã được UBND huyện và ban dân vận Huyện ủy tặng giấy khen.

+ Hội cựu chiến binh xã: Tăng cường giáo dục truyền thống, chủ nghĩa anh hùng cách mạng, mục tiêu, lý tưởng cho thanh niên; tuyên truyền, vận động và tặng quà cho thanh niên lên đường nhập ngũ năm 2023; Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với phong trào thi đua “Cựu chiến binh gương mẫu”, phát huy cao vai trò vận động, tuyên truyền, phối hợp đảm bảo an ninh, trật tự tại địa phương, giải phóng mặt bằng cụm công nghiệp Tiên Cường II. Năm 2023, tập thể Hội CCB xã đã được Ủy ban nhân dân huyện tặng giấy khen và cá nhân đồng chí Chủ tịch Hội Cựu chiến binh được Hội Cựu chiến binh huyện tặng giấy khen.

+ Hội Nông dân: Thành lập mô hình mới “Nông dân - An toàn giao thông”, “Thu gom vỏ bao bì thực vật trên cánh đồng đảm bảo vệ sinh môi trường”. Thực hiện cung ứng giống và bao tiêu sản phẩm cây vụ đông cho bà con nhân dân. Năm 2023, tập thể Hội nông dân xã được Hội nông dân thành phố tặng giấy khen, cá nhân đồng chí Chủ tịch Hội nông dân xã đã được Ban chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam tặng bằng khen.

+ Hội Liên hiệp phụ nữ xã: Ra mắt Câu lạc bộ “5 có, 3 sạch” gắn với “Nhóm cha mẹ xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch, 5 có 3 sạch”; phát động hội viên hưởng ứng tuần lễ áo dài, giao lưu dân vũ giữa các chi hội trong toàn xã. Năm 2023, Hội LHPN xã đã được Hội LHPN huyện tặng giấy khen.

+ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xã: Tổ chức nhiều hoạt động chào mừng kỷ niệm 93 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, 92 năm thành lập Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Năm 2023, Đoàn TNCSHCM xã và cá nhân đồng chí Bí thư Đoàn xã đã được Thành Đoàn Hải Phòng tặng bằng khen.

+ Công đoàn cơ quan xã phối hợp với UBND xã tổ chức hội nghị dân chủ, phát động phong trào thi đua trong đoàn viên công đoàn về thực hiện tốt các nội dung quy chế làm việc của cơ quan. Duy trì và thực hiện tốt mô hình cơ quan “xanh - sạch - đẹp”.

+ Phong trào thi đua tại các thôn được cấp ủy, lãnh đạo thôn quan tâm chỉ đạo thực hiện. Ngay từ đầu năm lãnh đạo các thôn đã triển khai, động viên nhân dân tham gia các phong trào thi đua trên các lĩnh vực, đặc biệt là phong trào thi đua phát triển kinh tế, VHVN-TDĐT. Qua đó đã huy động đông đảo các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia. Trong phong trào thi đua có nhiều tập thể, cá nhân là điển hình tiên tiến, tiêu biểu đã khơi dậy sức mạnh toàn dân để thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra.

## 2.2. Dân số toàn xã năm 2024

- Dân số toàn xã: 6.973 người

- Số hộ: 1.972 hộ, bình quân gần 3,56 người/hộ.

- Phân bố dân cư: Dân cư sống tập trung chia thành 6 thôn, phân bố không đều trên địa bàn xã. Thôn tập trung đông dân nhất là thôn Đại Công 1920 khẩu, 480 hộ. Thôn tập trung ít nhất là thôn Sinh Đan với 700 khẩu với 222 hộ.

Các khu vực tập trung đông dân cư chủ yếu bám theo các trục đường chính của xã.

***Biểu 01. Hiện trạng dân cư xã Tiên Cường năm 2024***

| STT | Tên thôn, xã   | Tổng số dân  | Số hộ dân    |
|-----|----------------|--------------|--------------|
| 1   | Thôn Đại Độ    | 920          | 253          |
| 2   | Thôn Đại Công  | 1920         | 480          |
| 3   | Thôn Thiên Kha | 1293         | 367          |
| 4   | Thôn Sinh Đan  | 700          | 222          |
| 5   | Thôn An Thung  | 1123         | 369          |
| 6   | Thôn Tiên Cựu  | 1017         | 281          |
|     | <b>Tổng số</b> | <b>6.973</b> | <b>1.972</b> |

## 2.3. Lao động và việc làm năm 2024

+ Tổng dân số trong toàn xã: 6.973 người

+ Lực lượng lao động: 4.478 người chiếm khoảng 64,22% dân số trong toàn xã.

+ Lao động thường xuyên: 4.278 người chiếm 95,53%.

+ Tổng số lao động được đào tạo nghề: 3.978 người chiếm 88,8%.

#### **2.4. Kinh tế - Thu nhập**

Mặc dù gặp nhiều khó khăn, thách thức, nhưng với sự quan tâm chỉ đạo của UBND huyện, sự quyết liệt trong công tác lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng, sự điều hành của chính quyền, sự phối kết hợp của các tổ chức chính trị - xã hội, sự nỗ lực phấn đấu của nhân dân trên địa bàn xã. Kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 có bước phát triển khá, quốc phòng - an ninh được giữ vững.

- Trong lĩnh vực kinh tế, các thôn, các đoàn thể đã phát động nhân dân thi đua lao động sản xuất, phát triển kinh tế, duy trì hiệu quả các mô hình, điển hình, hoàn thành các chỉ tiêu giao. Tổng giá trị sản xuất các ngành kinh tế trên địa bàn năm 2024 ước đạt 693 tỷ, tốc độ tăng trưởng 11%-12%, thu nhập bình quân trên đầu người đạt 79,5 triệu/người/năm. Cơ cấu giá trị sản xuất giữa các ngành: Nông nghiệp – Công nghiệp, xây dựng – Dịch vụ là: 22% - 38% - 40%.

- Trồng trọt: Tổng diện tích gieo trồng là 582,5 ha, trong đó diện tích lúa 347 ha, diện tích cây vụ đông 98 ha, diện tích chuyên màu (*cây dưa hấu 64ha cho thu nhập trên 700 triệu/ha/năm*). Ngành trồng trọt của xã đã có những bước phát triển khá ổn định. Sản xuất nông nghiệp theo hướng chuyên môn hóa, áp dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật vào sản xuất đã được toàn thể cán bộ và nhân dân trong xã hưởng ứng nhiệt tình như: Đưa các giống lúa mới cho năng suất và chất lượng cao vào sản xuất, áp dụng việc cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp.

- Chăn nuôi: Toàn xã có 3 trang trại và 35 khu chăn nuôi tập trung, có từ 3.000 - 10.000 con trở lên. Trong những năm vừa qua, thực hiện chương trình phát triển kinh tế trang trại, đưa những con giống mới cho năng suất cao và chất lượng vào chăn nuôi; ngành chăn nuôi của xã đã có những bước phát triển lớn, đem lại nguồn thu nhập cao cho nhân dân.

- Thủy sản: Duy trì diện tích nuôi trồng thủy sản ổn định 23 ha, sản phẩm lớn người dân đều tận dụng mặt nước ao hồ trong khuôn viên hộ gia đình để nuôi cá, tôm.

- Sản xuất công nghiệp - thủ công nghiệp: Hoạt động sản xuất ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ phát triển mạnh. Hiện xã được thành phố quy hoạch 3 cụm Công nghiệp, đã có 2 doanh nghiệp đang hoạt động tại cụm 1, 2 doanh nghiệp đang xây dựng hạ tầng cơ sở chuẩn bị hoạt động tại Cụm 2 tạo việc làm cho nhân dân của xã và địa phương lân cận. Trong những năm qua, sản xuất tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn xã đã có những bước phát triển khá: ngành nghề đa dạng, sản xuất có hiệu quả và bền vững.

Dịch vụ cung ứng hàng hóa đã từng bước phát triển, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và sản xuất của nhân dân. Trong những năm tới sự phát triển của các ngành nghề công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp sẽ tạo ra những thách thức và cơ hội cho ngành thương mại - dịch vụ của xã phát triển với các ngành nghề: cửa hàng ăn uống, kinh

doanh vận tải, trung chuyển hàng hoá ra các thị trường lớn. Thương mại - dịch vụ đã phát huy tốt tiềm năng, lợi thế của địa phương, tăng nhanh cả doanh thu và dịch vụ lao động.

- Hoạt động của Hợp tác xã nông nghiệp: Hợp tác xã nông nghiệp hướng dẫn các hộ dân tiến hành sản xuất, gieo cấy, chăm sóc, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ theo hướng sản xuất hàng hóa.

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới nâng cao được tổ chức thực hiện đồng bộ đạt kết quả tốt.

### **3. Thuận lợi**

Từ khi triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới, cán bộ đảng viên và các tầng lớp nhân dân đều phấn khởi, tin tưởng hưởng ứng cao. Sự phát triển tương đối đồng bộ của hạ tầng kỹ thuật so với các năm trước đây, đã từng bước phát huy tác dụng, hiệu quả, tình hình an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã liên tục được duy trì giữ vững cùng với nhiều chính sách lớn của Trung ương, thành phố, của huyện, Đảng bộ, chính quyền, mặt trận tổ quốc xã đã phát động, huy động sức mạnh của cộng đồng dân cư đạt hiệu quả cao trong xây dựng nông thôn mới. Các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước được ban hành phù hợp, sát với tình hình thực tế của địa phương, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của xã.

### **4. Khó khăn**

Bên cạnh những thuận lợi, địa phương còn gặp một số khó khăn:

- Trong phát triển kinh tế: Chưa khai thác hết tiềm năng lợi thế của địa phương, chưa gắn kết giữa chuyển dịch kinh tế với bảo vệ môi trường. Lao động nông thôn chủ yếu qua đào tạo ngắn hạn nên trình độ chuyên môn kỹ thuật chưa cao là yếu tố cản trở chuyển giao và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Cơ sở hạ tầng Kinh tế - Xã hội chưa được đầu tư nhiều, chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra của quá trình CNH – HĐH nông nghiệp nông thôn.

- Các mô hình phát triển kinh tế quy mô vừa và nhỏ theo hình thức liên kết giữa người dân và doanh nghiệp còn hạn chế, chưa tạo được vùng sản xuất hàng hóa lớn để kết nối với thị trường tiêu thụ. Số lượng doanh nghiệp trên địa bàn xã chưa nhiều. Chuyển dịch cơ cấu các ngành kinh tế khác còn thấp.

Hệ thống cơ sở hạ tầng tuy đã được đầu tư nhưng so với nhu cầu phát triển của tương lai thì vẫn chưa đáp ứng được về quy mô cũng như chất lượng. Một số công trình hạ tầng xã hội đã xuống cấp, chưa đáp ứng tốt nhu cầu của người dân trong xã.

## **II. Căn cứ triển khai thực hiện**

### **1. Các văn bản của Trung ương, thành phố và của huyện.**

- Quyết định 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định số 323/QĐ-TTg ngày 30/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Hải Phòng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050;

- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XVI (Nhiệm kỳ 2020-2025).

- Chương trình hành động số 76-CTr/TU ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 45/2019/NQ-TW ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Bộ chính trị;

- Quyết định 72/QĐ-CT ngày 10/01/2019 của UBND Thành phố Hải Phòng về việc công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018;

- Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 18/7/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021-2025;

- Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐNDTP Quy định cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp, thủy sản hàng hóa tập trung trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2022-2025;

- Quyết định số 1848/QĐ-UBND ngày 23/06/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ban hành Bộ tiêu chí nông thôn mới cấp xã trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 3042/QĐ-UBND ngày 19/09/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc điều chỉnh Bộ tiêu chí nông thôn mới cấp xã trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021-2025; Quyết định 1318/QĐ-UBND ngày 24/4/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc sửa đổi một số tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao và quy định một số chỉ tiêu, tiêu chí và điều chỉnh phân công nhiệm vụ các Sở, ngành phụ trách các chỉ tiêu, tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới, Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí quốc gia huyện nông thôn mới đặc thù trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021-2025;



- Kế hoạch số 95/KH-UBND ngày 22/3/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố về thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2023 trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Các văn bản hướng dẫn thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu của các Sở, ban ngành thành phố Hải Phòng.

- Quyết định số 1377/QĐ-UBND ngày 18/5/2023 của UBND huyện Tiên Lãng về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Tiên Cường đến năm 2030;

## **2. Các văn bản của xã**

- Nghị quyết số 15-NQ/ĐU ngày 07/11/2023 của Ban chấp hành Đảng bộ xã Tiên Cường về việc lãnh đạo triển khai xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn xã Tiên Cường.

- Quyết định số 03/QĐ-ĐU ngày 09/10/2023 của Đảng ủy xã Tiên Cường về việc kiện toàn ban chỉ đạo xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu xã Tiên Cường.

- Thông báo số 01/TB-BCĐ ngày 09/10/2023 của Ban chỉ đạo xã về việc Phân công nhiệm vụ các thành viên Ban chỉ đạo xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025.

- Nghị quyết số 27/2023/NQ-HĐND ngày 23/3/2023 của Hội đồng nhân dân xã Tiên Cường về việc thông qua Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Tiên Cường, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng đến năm 2030.

- Đồ án số 01/ĐA-UBND, ngày 09/5/2022 của Ủy ban nhân dân xã về quy hoạch xây dựng xã Tiên Cường đến năm 2030.

- Đề án số 01/ĐA-UBND, ngày 16/5/2022 của Ủy ban nhân dân xã về xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu xã Tiên Cường, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

- Quyết định số 18/QĐ-ĐU ngày 21/3/2023 của Đảng ủy xã về việc thành lập Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn xã Tiên Cường.

- Thông báo số 04-TB/BCĐ ngày 21/3/2023 của Ban chỉ đạo xây dựng xã NTM kiểu mẫu về phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban chỉ đạo xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu thực hiện các tiêu chí xây dựng xã Nông thôn mới nâng cao, Nông thôn mới kiểu mẫu.

- Quyết định số 74/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 của Ủy ban nhân dân xã về việc kiện toàn Ban quản lý thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới xã Tiên Cường.

- Thông báo số 50/TB-UBND ngày 25/8/2023 của BQL xã Tiên Cường về việc phân công nhiệm vụ cho các ngành phụ trách các tiêu chí để thực hiện Chương trình nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn xã Tiên Cường.

- Quyết định số 61;62;63;64;65;66/QĐ-UBND ngày 02/8/2023 của Ủy ban nhân dân xã về việc kiện toàn các Ban phát triển thôn thực hiện Chương trình mục

tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tại các thôn trên địa bàn xã Tiên Cường giai đoạn 2021-2025.

- Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 22/4/2022 của Ủy ban nhân dân xã thực hiện Chương trình xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, Nông thôn mới kiểu mẫu xã Tiên Cường giai đoạn 2022-2025.

Để tổ chức thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới, Ủy ban nhân dân xã xây dựng kế hoạch và phát động phong trào “Toàn dân chung sức xây dựng Nông thôn mới” gắn với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Ban Quản lý xã phân công nhiệm vụ cho các thành viên thuộc các lĩnh vực ban ngành, đoàn thể, cán bộ chuyên môn phụ trách công việc theo chức năng nhiệm vụ phù hợp với 19 tiêu chí Nông thôn mới nâng cao và phân công các thành viên Ban Quản lý phụ trách các thôn.

Cấp ủy, chính quyền xã xác định xây dựng Nông thôn mới nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ngày một phát triển, an ninh trật tự được ổn định, hệ thống chính trị phát triển mạnh, hạ tầng kỹ thuật được đầu tư xây dựng phục vụ lợi ích của Nhân dân. Từ đó làm tốt công tác quán triệt, tuyên truyền sâu rộng đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân hiểu rõ về chủ trương xây dựng Nông thôn mới mà người dân là chủ thể, được cán bộ và các tầng lớp Nhân dân hưởng ứng cao, đạt hiệu quả.

### **III. Kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng Nông thôn mới**

#### **1. Công tác chỉ đạo, điều hành**

Sau khi thành lập Ban quản lý xây dựng nông thôn mới, Ban quản lý xây dựng nông thôn mới đã ban hành Thông báo phân công chức năng, nhiệm vụ của từng thành viên trong Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới của xã đảm nhận thực hiện từng tiêu chí cụ thể theo Bộ tiêu chí Quốc gia về chương trình xây dựng nông thôn mới 19 tiêu chí với 49 nội dung, phân công các thành viên Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới của xã phụ trách từng thôn, đồng thời chủ động xin ý kiến của các thành viên Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới huyện được phân công phụ trách.

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo, Ban Chỉ đạo tăng cường phân công các đồng chí trong Ban Chỉ đạo chương trình xây dựng nông thôn mới của xã và các đoàn thể, cán bộ công chức xã đảm nhận thực hiện các tiêu chí và các nội dung, đánh giá hệ thống chính trị từ xã đến thôn, đánh giá công tác đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, điều tra thu nhập, tỷ lệ lao động qua đào tạo và việc làm, tăng cường công tác vệ sinh và môi trường, triển khai thực hiện các cơ chế chính sách hỗ trợ của Đảng và Nhà nước, tổ chức đối thoại với Nhân dân về kết quả thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới trên các lĩnh vực phát triển hạ tầng, phát triển kinh tế, phát triển văn hóa, chính trị, xã hội, công tác bảo đảm quốc phòng, an ninh. Kết quả đối thoại với Nhân dân được Nhân dân hài lòng trước những kết quả sau 5 năm mà Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân trong xã đã tích cực phát đầu thi đua đạt được.

Xã đã thành lập Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới do đồng chí Chủ tịch UBND xã là Trưởng ban và các thành viên gồm cán bộ, công chức các ngành, Chủ tịch UB MTTQ, Trưởng các đoàn thể xã và Trưởng thôn. Thành lập Ban Phát triển thôn, do đồng chí Bí thư chi bộ thôn làm Trưởng ban các thành viên gồm Trưởng thôn, trưởng ban công tác Mặt trận thôn, chi hội trưởng đoàn thể và đại diện Nhân dân; thành lập Ban giám sát đầu tư xây dựng các công trình.

Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới của xã phối hợp với các phòng, ban chức năng của huyện và tư vấn tiến hành khảo sát trên cơ sở thực trạng của xã triển khai lập Đồ án quy hoạch, Đề án xây dựng nông thôn mới, quy hoạch sử dụng đất và hạ tầng thiết yếu, phát triển sản xuất, quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội - môi trường, phát triển khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có.

Định kỳ tổ chức hội nghị giao ban hàng tháng, quý để triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, Kế hoạch, Kết luận của Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới cấp trên, chỉ đạo làm tốt công tác tuyên truyền và triển khai thực hiện các cơ chế chính sách hỗ trợ của Nhà nước đến với Nhân dân, duy trì chế độ làm việc, phân công nhiệm vụ, phối hợp công tác giữa các thành viên Ban chỉ đạo, Ban quản lý, Ban phát triển thôn, các ngành, các cấp trong việc tổ chức và triển khai thực hiện chương trình.

Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới xã tích cực triển khai thực hiện các cơ chế chính sách hỗ trợ của Nhà nước đến với Nhân dân, tạo điều kiện thuận lợi nhất để Nhân dân tiếp cận các cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất, an sinh xã hội, đồng thời triển khai thực hiện tốt các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện các nội dung trong Chương trình xây dựng nông thôn mới.

## **2. Công tác truyền thông, đào tạo, tập huấn**

### *a. Công tác truyền thông*

Đảng ủy đã xây dựng kế hoạch tổ chức hội nghị nghiên cứu, học tập, quán triệt đầy đủ nội dung tinh thần các Nghị quyết, Chương trình hành động, Kế hoạch của Đảng cấp trên về thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới đến toàn thể cán bộ, công chức và đảng viên trong Đảng bộ, chỉ đạo MTTQ và các đoàn thể, các chi bộ thôn phối hợp với các đồng chí trong cấp ủy, thành viên Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới làm tốt công tác tuyên truyền thông qua các buổi sinh hoạt chi bộ và sinh hoạt của các chi hội đoàn thể thôn, khu dân cư, chỉ đạo Ban văn hóa xã phát truyền thanh, tài liệu tuyên truyền. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền tài liệu hỏi đáp về chương trình xây dựng nông thôn mới với các nội dung tiêu chí xây dựng nông thôn mới, tuyên truyền hưởng ứng cuộc vận động ***“Toàn dân, đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”***.

Cấp ủy, chính quyền, Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới của xã xác định công tác tuyên truyền vận động là nhiệm vụ then chốt hàng đầu quyết định đến sự thành công của chương trình xây dựng nông thôn mới, 100% người dân được tuyên truyền về nông

thôn mới, các nội dung hoạt động của MTTQ và các đoàn thể, lồng ghép với tuyên truyền, vận động xây dựng nông thôn mới. Cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân trong xã đã được tuyên truyền về mục đích, mục tiêu, ý nghĩa, tầm quan trọng của xây dựng nông thôn mới; xác định vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng nông thôn mới thông qua việc đối thoại trực tiếp với Nhân dân ở 6/6 thôn của xã.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đã phối hợp với UBND xã vận động Nhân dân tham gia, đóng góp ý kiến tại các hội nghị giữa Ban chỉ đạo, Ban quản lý xây dựng nông thôn mới của xã với Nhân dân. Ban chỉ đạo, Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã thể hiện sự quyết tâm của cả hệ thống chính trị tập trung khai thác tiềm năng thế mạnh của địa phương, tranh thủ các nguồn lực đầu tư hỗ trợ của Nhà nước, đồng thời chỉ đạo làm tốt công tác vận động Nhân dân phát huy nội lực của cộng đồng thể hiện rõ vai trò chủ thể của Nhân dân với phương châm “*Dân biết, Dân bàn, Dân làm và Nhân dân thụ hưởng*”.

#### *b. Công tác đào tạo, tập huấn*

Thực hiện kế hoạch đào tạo hàng năm UBND xã kết hợp với cơ quan Thường trực xây dựng NTM huyện, Phòng Nông nghiệp - Phát triển nông thôn huyện, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Kinh tế - Hạ tầng tổ chức các đợt tập huấn cho cán bộ xây dựng NTM xã, Ban phát triển thôn và đại diện Nhân dân.

Nhìn chung sau các lớp tập huấn học viên có nhận thức sâu sắc về Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM, hiểu được vai trò và vị trí của mình trong công tác xây dựng NTM tại địa phương. Tích cực chủ động, nhiệt tình tham gia các hoạt động xây dựng NTM.

Sau mỗi đợt cử cán bộ đại diện đi tập huấn tại thành phố và huyện về công tác xây dựng Nông thôn mới, địa phương đều được triển khai cho các thành viên Ban Quản lý, Ban Phát triển thôn để nắm bắt kịp thời các chủ trương, cơ chế chính sách quy định để áp dụng vào địa phương tổ chức thực hiện.

### **3. Công tác phát triển sản xuất, ngành nghề, nâng cao thu nhập cho người dân**

#### *a. Công tác phát triển sản xuất nông nghiệp*

- Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng, mở rộng diện tích rau màu vụ đông, đưa vụ đông thực sự trở thành vụ sản xuất chính trong năm, phấn đấu chuyển mạnh diện tích cây lúa sang phát triển rau màu, phát triển đa dạng hàng hóa các loại cây trồng theo hướng đa canh, nâng cao tỷ lệ diện tích các cây trồng có giá trị kinh tế cao, có thị trường tiêu thụ ổn định. Duy trì phát triển các cây trồng truyền thống có giá trị kinh tế cao như dưa hấu, phát triển và Quy hoạch vùng cây trồng có hợp đồng tiêu thụ lớn khoai tây các loại.

- Thực hiện tốt các hợp đồng bao tiêu sản phẩm, chương trình cơ giới hóa đồng ruộng, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, trang trại, gia trại và chương trình trồng cây

vụ đông, vụ xuân trong thời gian qua cơ bản phát triển tốt có hiệu quả đem lại thu nhập cho người dân từ đó góp phần cho địa phương hoàn thành nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của xã.

*b. Công tác phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn.*

Xã đã tập trung phát huy thế mạnh của địa phương khuyến khích phát triển mạnh sản phẩm của xã như: Cây dưa hấu, cây vụ đông (khoai tây Atlantics) có bao tiêu sản phẩm, được chứng nhận theo tiêu chuẩn Vietgap, về thủy sản, mở rộng diện tích khai thác, khai thác lao động dôi dư trong nông nghiệp phát triển các cơ sở gia công tiểu thủ công nghiệp.

Xã đã vận động Nhân dân dồn điền đổi thửa, đầu tư cơ giới hóa vào sản xuất, hiện trên địa bàn xã bình quân có 1,92 thửa/hộ. Đến nay diện tích đất nông nghiệp của xã cơ bản đã thực hiện các khâu cơ giới hóa vào sản xuất để giảm bớt sức lao động trong Nhân dân, giảm chi phí sản xuất, tăng hiệu quả kinh tế trên đơn vị diện tích. Tỷ lệ lao động trong độ tuổi có việc làm thường xuyên đạt 95%.

Công tác giảm nghèo luôn được quan tâm, đã huy động tối đa các nguồn lực để giảm tỷ lệ hộ nghèo, thoát nghèo nhanh bền vững bằng hỗ trợ phát triển kinh tế, tạo việc làm mới để có thu nhập ổn định.

Hình thức tổ chức sản xuất của xã tập trung vào sản xuất nông nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, xác định nông nghiệp là ngành kinh tế mũi nhọn của địa phương, để khai thác tiềm năng thế mạnh về vị trí, địa lý xã đã chuyển dịch dần sang phát triển kinh tế nông nghiệp kết hợp sản xuất kinh doanh mở rộng thị trường.

*c. Kết quả nâng cao thu nhập, giảm nghèo cho người dân....*

Hàng năm với mức tăng trưởng trung bình từ 11 - 12% từ nguồn doanh thu của các ngành nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ; kết hợp các nguồn thu từ tài trợ của con cháu đi làm ăn xa gửi về địa phương phụ dưỡng cho bố mẹ, ông bà và gia đình; kinh tế trong Nhân dân ngày càng ổn định mức thu nhập bình quân đầu người

Công tác giảm nghèo đã được quan tâm từ nỗ lực phấn đấu của các hộ kết hợp với các chương trình vay vốn của các tổ chức chính trị xã hội, quỹ vì người nghèo của huyện và xã hỗ trợ như đầu tư con giống trong chăn nuôi, giống cây trồng trong sản xuất nông nghiệp; các chế độ chính sách của nhà nước, các cuộc vận động nhân đạo từ thiện của Mặt trận Tổ quốc, Hội chữ thập đỏ .v.v... rất nhiều hộ từ đói, nghèo, khó khăn đã phấn đấu vươn lên thoát nghèo, tỷ lệ hộ nghèo đa chiều năm 2023 là 0,52% đến năm 2024 ước là 0,16%.

#### **IV. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng Nông thôn mới nâng cao**

**Cơ cấu nguồn vốn: 160.015 triệu đồng.**

Trong đó:

- + Nguồn vốn do ngân sách thành phố cấp: 36.483 triệu đồng.
- + Nguồn vốn do ngân sách huyện cấp: 1.073 triệu đồng.
- + Vốn lồng ghép CTMTQG giảm nghèo và các CT, DA: 53.389 triệu đồng
- + Vốn tín dụng: 15.100 triệu đồng
- + Doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế: 11.000 triệu đồng.
- + Vốn huy động nhân dân đóng góp: 42.970 triệu đồng

## **V. Kết quả thực hiện các tiêu chí xây dựng Nông thôn mới nâng cao năm 2024**

Xã Tiên Cường đã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới năm 2019 theo Quyết định số 483/QĐ-CT ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng (*kèm theo phụ lục đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới được ban hành kèm theo quyết định 1848/QĐ-UBND ngày 23/6/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng*).

### **\* Kết quả thực hiện các tiêu chí xã Nông thôn mới nâng cao**

Tổng số tiêu chí xã tổ chức tự đánh giá đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao theo quy định là 19/19 (tổng số) tiêu chí, đạt 100%, cụ thể:

#### **1. Tiêu chí số 1 về Quy hoạch**

a. Yêu cầu của tiêu chí:

1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch. Đạt

1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch. Đạt

1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên. Đạt

b. Kết quả thực hiện tiêu chí.

*Chỉ tiêu 1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch. Đạt*

Xã Tiên Cường có quy hoạch chung xây dựng xã đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 1377/QĐ-UBND ngày 18/5/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Tiên Lãng (ban hành kèm theo Quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và quy chế quản lý kiến trúc nông thôn); được tổ chức công bố công khai quy hoạch tại trụ sở UBND xã và Nhà văn hóa các thôn đúng thời hạn, được sự đồng thuận cao của cộng đồng dân cư nông thôn.

*Đánh giá kết quả: Đạt*

*Chỉ tiêu 1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch. Đạt*

Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã và quy chế quản lý kiến trúc nông thôn được ban hành kèm theo Quyết định số 1377/QĐ-UBND ngày 18/5/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Tiên Lãng về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xã Tiên Cường đến năm 2030.

Nội dung quy hoạch xã đã cập nhật hệ thống hạ tầng cơ sở, hệ thống hạ tầng kỹ thuật theo định hướng quy hoạch cấp trên và quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đến năm 2030, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã.

*Đánh giá kết quả: Đạt*

*Chỉ tiêu 1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên. Đạt*

Căn cứ Quyết định số 495<sup>a</sup>/QĐ-UBND ngày 04/4/2024 của UBND huyện Tiên Lãng về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 xây dựng khu trung tâm xã Tiên Cường, huyện Tiên Lãng. Ủy ban nhân dân xã đã lập nhiệm vụ quy hoạch và đã được Sở Xây dựng cho ý kiến tại văn bản số: 3608/SXD-QHKT ngày 19/7/2024. Căn cứ Quyết định số: 2043/QĐ-UBND ngày 24/7/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Tiên Lãng về phê duyệt nhiệm vụ và dự toán quy hoạch. UBND xã đã tiến hành lựa chọn đơn vị tư vấn đủ tư cách pháp nhân, tiến hành thực hiện lập quy hoạch chi tiết 1/500 khu trung tâm xã phù hợp với quy hoạch chung của xã đến năm 2030 bao gồm: Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND, UBND, Công an, Quân sự và các đoàn thể; các công trình công cộng cấp xã: Nhà văn hóa xã, Trạm Y tế xã, Trường Mầm non, Trường Tiểu học, Trường Trung học....

Căn cứ Quyết định số 323/QĐ-TTg ngày 30/5/2023 của Thủ Tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Hải Phòng đến năm 2040 tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn xã có quy hoạch 03 Cụm công nghiệp gồm: Cụm công nghiệp Tiên Cường 1 (*Công nghiệp nhẹ*), Tiên Cường 2 (*Công nghiệp nhẹ, công nghiệp sạch, công nghiệp hỗ trợ*), Tiên Cường 3 (*Công nghiệp tổng hợp*). Cụm công nghiệp Tiên Cường 2 đã được thành lập theo Quyết định số 607/QĐ-UBND ngày 23/02/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố, Quyết định phê duyệt Quy hoạch chi tiết 1/500 số 432/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Tiên Lãng. Đến nay cụm công nghiệp Tiên Cường 2 đã triển khai xây dựng hạ tầng.

UBND xã đã quy hoạch, xác lập quỹ đất khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn tại Đường 25, thôn Sinh Đan để xây dựng khu thương mại dịch vụ kinh doanh buôn bán nông sản và vật tư nông nghiệp; hỗ trợ sản xuất, công nghiệp chế biến gắn với vùng chuyên canh; kinh doanh buôn bán nông sản và vật tư nông nghiệp, dịch vụ khuyến nông, bảo vệ thực vật...

*Đánh giá kết quả: Đạt*

c. Tự đánh giá: Đạt tiêu chí.

## **2. Tiêu chí số 2 về Giao thông**

a. Yêu cầu của tiêu chí:

2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định: 70%

2.2. Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn

+ Được cứng hóa và bảo trì hàng năm 100%

+ Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp: 70%

2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp  $\geq 95\%$

2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa 100%

b. Kết quả thực hiện tiêu chí

Hàng năm được Ủy ban nhân huyện cấp kinh phí sự nghiệp giao thông, giao dự toán cho ngân sách các xã đầu năm trên 30 triệu đồng. Ủy ban nhân dân xã đã tiến hành duy tu, bảo trì các tuyến đường theo đúng quy định.

| STT | Yêu cầu tiêu chí                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                            | Kết quả thực hiện                                            | Đánh giá |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|----------|
| 2.1 | Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng-xanh-sạch-đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định đạt $\geq 70\%$ |                                                                                                                                                            | Tổng số km đạt tiêu chí: 1,8km/2,5km; đạt tỷ lệ 72%.         | Đạt      |
| 2.2 | Tỷ lệ đường                                                                                                                                                                                | Được cứng hoá và bảo trì hàng năm đạt 100%                                                                                                                 | Tổng số km đạt tiêu chí: 11,39km/11,39km; đạt tỷ lệ 100%.    | Đạt      |
|     | thôn và đường liên thôn                                                                                                                                                                    | Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp đạt $\geq 70\%$ | Tổng số km đạt tiêu chí: 8,1km/11,39km; đạt tỷ lệ 71,1%.     | Đạt      |
| 2.3 | Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp. đạt $\geq 95\%$                                                                                                       |                                                                                                                                                            | Tổng số km đạt tiêu chí: 15,21 km/15,21 km); đạt tỷ lệ 100%. | Đạt      |



|     |                                                                                                        |                                                              |     |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|-----|
| 2.4 | Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa đạt 100% | Tổng số km đạt tiêu chí: 15,19 km/15,19 km); đạt tỷ lệ 100%. | Đạt |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|-----|

c. Tự đánh giá: Đạt tiêu chí.

### **3. Tiêu chí số 3 về Thủy lợi và phòng, chống thiên tai**

a. Yêu cầu của tiêu chí:

3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động  $\geq 98\%$

3.2. Tổ chức thủy lợi cơ sở (nếu có) hoạt động hiệu quả:  $\geq 1$

3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước  $\geq 15\%$

3.4. Tỷ lệ công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm. 100%

3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi: Đạt

3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ: Khá

b. Kết quả thực hiện tiêu chí

Chỉ tiêu 3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động  $\geq 98\%$ :

Tổng diện tích đất nông nghiệp: 197,5 ha. Trong đó đất sản xuất nông nghiệp: diện tích đất trồng lúa 109,5 ha, dưa hấu 64 ha; diện tích đất trồng cây lâu năm 1,0 ha; diện tích đất nuôi trồng thủy sản 23 ha.

- Có 98,5% (171 ha/173,5 ha) diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới chủ động.

- Tỷ lệ diện tích nuôi trồng thủy sản đảm bảo cấp, thoát nước chủ động đạt 100% (23 ha/23 ha).

Đánh giá kết quả: Đạt

Chỉ tiêu 3.2. Tổ chức thủy lợi cơ sở (nếu có) hoạt động hiệu quả:  $\geq 1$

Hợp tác xã thủy lợi cơ sở được thành lập theo Quyết định số 42/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 của UBND xã Tiên Cường. Hợp tác xã thủy lợi cơ sở xã Tiên Cường do Hợp tác nông nghiệp xã Tiên Cường quản lý. Các tổ Hợp tác xã thủy lợi được kiện toàn hàng năm với số lượng 07 thành viên/tổ.

Hàng năm đánh giá lại hiệu quả hoạt động của các tổ thủy lợi. Tổ quản lý thủy lợi có trách nhiệm khơi thông dòng chảy hàng vụ và triển khai nạo vét hệ thống thủy lợi nội đồng với tổng khối lượng nạo vét đào đắp hàng năm khoảng 3.100m<sup>3</sup>. Đã thực hiện tưới, tiêu nước kịp thời đến từng xú đồng đảm bảo cho sản xuất nông

nghiệp và ứng phó với thiên tai.

*Đánh giá kết quả: Đạt*

*Chỉ tiêu 3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước  $\geq 15\%$ :*

Lúa là cây trồng chủ lực của địa phương, 90,1% diện tích đất lúa (98,7 ha/109,5a) là cây trồng chủ lực của xã được tưới tiên tiến, tiết kiệm.

*Đánh giá kết quả: Đạt*

*Chỉ tiêu 3.4. Tỷ lệ công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm. 100 %*

Tổng số: 87 công trình; gồm: 81 tuyến kênh cấp I+II+III; 2 trạm bơm điện tưới, tiêu nội đồng (trạm tiêu úng Sinh Đan, trạm tưới Sinh Đan); 4 cống ngăn triều dưới đê. Tất cả các công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm bằng nguồn vốn hỗ trợ thủy lợi nội đồng của Thành phố và các nguồn do Nhân dân đóng góp.

*Đánh giá kết quả: Đạt*

*Chỉ tiêu 3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi:*

- Trên địa bàn có 2 doanh nghiệp (Nhà máy chế biến nguyên liệu Thuốc lá DEVYT và Công ty TNHH đồ chơi thông minh Sunvigor) và các cơ sở sản xuất nhỏ, công tác xử lý nguồn nước thải trong doanh nghiệp đã được các đơn vị thực hiện đúng quy định đảm bảo nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi không gây ô nhiễm; Các trang trại, hộ chăn nuôi tập trung gia súc, gia cầm thực hiện theo cam kết bảo vệ môi trường đề ra, không có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi.

- Ủy ban nhân dân xã hàng năm kiểm tra công tác chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trang trại chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản trên địa bàn xã.

- Nguồn thải trong khu dân cư: sau khi thu gom, nước thải được đưa vào bể tự hoại được xây dựng đúng tiêu chuẩn do các gia đình tự xây dựng. Nước thải đã qua xử lý được xả vào hệ thống rãnh kín ra bể tự thấm hoặc ra kênh mương thủy lợi phục vụ nông nghiệp. Các hộ dân cư đều có bể tự hoại 2 - 3 ngăn hợp quy cách, nếu có điều kiện có thể sử dụng loại bể tự hoại cải tiến với vách ngăn mỏng và ngăn lọc kíp khí để xử lý nước thải sinh hoạt.

- Nước thải, chất thải trong chăn nuôi: Vận động nhân dân xây dựng hệ thống hầm chứa - lắng - lọc hoặc hầm Biogas, để đảm bảo toàn bộ nước thải và chất thải trong chăn nuôi được thu gom xử lý không gây ô nhiễm môi trường. Nhân dân định kỳ xử lý phân đã hoại mục để tận dụng làm phân bón cho cây trồng

*Đánh giá kết quả: Đạt*

*Chỉ tiêu 3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ:*

Hàng năm Ủy ban nhân dân xã tổ chức tổng kết công tác Phòng chống thiên tai - Tìm kiếm cứu nạn và triển khai kế hoạch phòng chống thiên tai - tìm kiếm cứu nạn, rà soát vật tư theo phương châm “4 tại chỗ” để phục vụ công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, chủ động phương án di dân, tổ chức báo động, huy động lực lượng diễn tập, các hoạt động phòng chống thiên tai - tìm kiếm cứu nạn được thực hiện có hiệu quả đáp ứng yêu cầu. UBND xã ban hành Kế hoạch số 30/KH-UBND ngày 20/5/2024 về phòng chống thiên tai và TKCN năm 2024; Quyết định số 69/QĐ-UBND ngày 20/5/2024 về việc giao chỉ tiêu huy động vật tư, phương tiện lực lượng xung kích hộ đê phục vụ PCTT và TKCN; Có Ban chỉ huy PCTT&TKCN xã, phân công nhiệm vụ thành viên; Chuẩn bị đầy đủ nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị theo phương án phòng chống thiên tai; 100% người dân được tiếp nhận thông tin cảnh báo thiên tai kịp thời, đầy đủ;

Hệ thống thủy lợi và đê điều trên địa bàn xã cơ bản đáp ứng yêu cầu về phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, phục vụ tốt cho sản xuất nông nghiệp và dân sinh.

*Đánh giá kết quả: Đạt*

c. Tự đánh giá: Đạt tiêu chí

#### **4. Tiêu chí số 4 về Điện**

a. Yêu cầu của tiêu chí:

*Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định: Đạt*

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

Trên địa bàn xã Tiên Cường hiện 100% hộ sử dụng điện sinh hoạt, đăng ký trực tiếp với điện lực Hải Phòng; hiểu biết về sử dụng điện trong Nhân dân, đảm bảo sử dụng điện an toàn và hiệu quả. Kết cấu công tơ đạt tiêu chuẩn đo lường chất lượng theo tiêu chuẩn của Việt Nam và sau công tơ đã thay thế toàn bộ đường dây đảm bảo chất lượng chủng loại dây cáp bọc 2x4 mm. Tổng nhu cầu sử dụng điện của người dân so với tổng công suất các TBA đang cấp điện cho xã đáp ứng thừa và đủ so với nhu cầu sử dụng điện của người dân trên địa bàn xã.

Trên địa bàn xã có 2 hộ (hộ ông Khoa thôn Sinh Đan, ông Tuấn thôn An Thung) hộ sử dụng điện trực tiếp thường xuyên từ nguồn điện năng lượng mặt trời đạt 0,01%.

Tiếp tục vận động Nhân dân hỗ trợ ngành Điện trong quá trình đầu tư xây dựng lưới điện, tham gia kinh phí đền bù, giải phóng mặt bằng, tham gia bảo vệ hành lang an toàn lưới điện.

- Khối lượng thực hiện:

Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng đã đầu tư nâng cấp công suất các trạm biến áp với công suất đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng điện cho toàn xã.

+ Trạm biến áp Thôn Đại Độ 1 công suất 250 KVA phục vụ cho điện sinh hoạt thôn Đại Độ.

+ Trạm biến áp Thôn Đại Độ 2 công suất 250 KVA phục vụ cho điện sinh hoạt thôn Đại Độ.

+ Trạm biến áp thôn Đại Công công suất 320 KVA phục vụ cho điện sinh hoạt thôn Đại Công.

+ Trạm biến áp Thôn Thiên Kha công suất 250 KVA phục vụ cho điện sinh hoạt thôn Thiên Kha.

+ Trạm biến áp Thôn Sinh Đan 1 công suất 250 KVA phục vụ cho điện sinh hoạt thôn Sinh Đan.

+ Trạm biến áp Thôn Sinh Đan 2 công suất 400 KVA phục vụ cho điện sinh hoạt thôn Sinh Đan.

+ Trạm biến áp Thôn An Thung 1 công suất 180 KVA phục vụ cho điện sinh hoạt thôn An Thung.

+ Trạm biến áp Thôn An Thung 2 công suất 250 KVA phục vụ cho điện sinh hoạt thôn An Thung.

+ Trạm biến áp Thôn Tiên Cựu công suất 250 KVA phục vụ cho điện sinh hoạt thôn Tiên Cựu.

Đường dây trung thế 12km, đường dây hạ thế 17km, đảm bảo hành lang an toàn lưới điện.

Hệ thống điện nông thôn đã phủ khắp toàn xã với 100% số hộ được sử dụng điện an toàn là 1.972/1.972 hộ. Toàn xã hiện có 09 trạm biến áp với tổng công suất 2.400KVA, các tuyến đường dây trung áp, hạ áp được dùng dây bọc đảm bảo công suất dây dẫn điện an toàn, các công tơ đo đếm điện năng phục vụ sản xuất và đời sống khu vực nông thôn đều đảm bảo theo đúng quy định.

c. Tự đánh giá: Đạt tiêu chí

## **5. Tiêu chí số 5 về Giáo dục**

a) Yêu cầu của tiêu chí:

5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2: 100%

5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi: Đạt

5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở: Mức độ 3.

5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ: Mức độ 2

5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại: Khá

5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền: Đạt

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

*Chỉ tiêu 5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2:*

**\* Trường Mầm non Tiên Cường:** Trường được thành lập từ năm 1991 theo quyết định số 1600/QĐ -UBND ngày 19 tháng 12 năm 1991. Trường có tổng diện tích 4.900m<sup>2</sup>; có 02 điểm trường: Điểm trường 1 là khu trung tâm đặt tại thôn Thiên Kha xã Tiên Cường và 1 khu lẻ đặt tại thôn Đại Công xã Tiên Cường, các điểm trường đều được đặt ở vị trí thuận lợi cho việc đưa đón trẻ tới trường, môi trường cảnh quan xung quanh đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ.

Năm học 2024-2025, trường có 12 lớp với 355 học sinh, bình quân đạt 13,8m<sup>2</sup>/trẻ, đạt diện tích bình quân/trẻ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 27/5/2020 ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học.

***Các tiêu chí về CSVC của trường Mầm non Tiên Cường cụ thể như sau:***

- *Khối phòng hành chính quản trị:* 05 phòng (01 phòng Hiệu trưởng có diện tích 33m<sup>2</sup>, 1 phòng phó Hiệu trưởng 17 m<sup>2</sup>, 01 văn phòng trường 58m<sup>2</sup> (đang sử dụng tạm phòng lớp học), 01 phòng kế toán 17m<sup>2</sup>; 01 phòng bảo vệ 10 m<sup>2</sup>). Các phòng đều đảm bảo diện tích theo quy định, có đầy đủ máy móc, thiết bị, đồ dùng theo chức năng của từng phòng. Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên gồm 1 khu, được bố trí phòng nam, nữ riêng biệt. Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên gồm 2 khu, với tổng diện tích 110m<sup>2</sup>. Thiếu phòng bảo vệ ở khu trung tâm và thiếu 01 phòng phó Hiệu trưởng, thiếu phòng dành cho nhân viên, thiếu 1 nhà vệ sinh ở khu lẻ.

- *Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục:* gồm 12 phòng/12lớp; bảo đảm mỗi nhóm, lớp có một phòng. Mỗi phòng có tổng diện tích trung bình 78 m<sup>2</sup> (phòng học có diện tích 54m<sup>2</sup>, phòng kho có diện tích 11m<sup>2</sup>, nhà vệ sinh có diện tích 13m<sup>2</sup>), bao gồm các phân khu chức năng (khu sinh hoạt động chung, nơi ngủ, khu vệ sinh khép kín đảm bảo yêu cầu).

+ Thiếu 01 phòng giáo dục nghệ thuật và chưa có một số đồ dùng, thiết bị

phục vụ các hoạt động giáo dục nghệ thuật; thiếu 01 phòng giáo dục thể chất và chưa có đồ dùng thiết bị phòng giáo dục thể chất

+ Sân chơi riêng: gồm 02 sân chơi cho trẻ hoạt động tại 02 điểm trường. Sân chơi khu trung tâm còn láng bê tông chưa được lát gạch chống trơn.

- *Khối phòng tổ chức ăn:* gồm có nhà bếp và kho bếp có tổng diện tích 135 m<sup>2</sup>, được bố trí độc lập với các phòng chức năng khác và có các khu giao nhận thực phẩm, khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn theo quy định, đảm bảo quy định bếp một chiều.

- *Khối phụ trợ:* Gồm 01 phòng y tế, 02 nhà bảo vệ, 01 nhà kho, các khu đều có cổng và tường bao đảm bảo an toàn cho trẻ. Thiếu phòng họp sử dụng làm nơi sinh hoạt chung và làm việc chuyên môn của giáo viên ngoài giờ lên lớp; Chưa có nhà kho.

- *Hạ tầng kỹ thuật:* Nhà trường có giàn lọc nước, cung cấp đủ nước sạch cho trẻ; công tác phòng cháy chữa cháy được nhà trường quan tâm, trang bị một số thiết bị phục vụ công tác PCCC; có kết nối internet và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và chăm sóc giáo dục trẻ đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

- *Thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi:* Đảm bảo theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 25/6/2024 của HĐND huyện Tiên Lãng về phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới kiểu mẫu xã Tiên Cường, trường Mầm non Tiên Cường được đầu tư xây mới 02 phòng chức năng: 01 phòng thể chất, 01 phòng nghệ thuật (60m<sup>2</sup>/phòng), 01 nhà bảo vệ, hệ thống phòng cháy chữa cháy và một số hạng mục khác, Từ đó, sẽ phấn đấu xây dựng trường học đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 trong năm 2024.

Sau khi hoàn thành các hạng mục đầu tư nêu trên, trường Mầm non Tiên Cường sẽ đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1.

\* **Trường Tiểu học Tiên Cường:** Trường được thành lập trên cơ sở chia tách trường Phổ thông cơ sở Tiên Cường thành 2 trường phổ thông cấp 1 và phổ thông cấp 2 theo Quyết định số 407/QĐ-UB ngày 31/8/1993 của Ủy ban nhân dân huyện Tiên Lãng. Sau khi chia tách, trường Tiểu học Tiên Cường gồm có 01 khu chính tại thôn An Thung và 01 khu lẻ nằm tại thôn Đại Công. Hiện nay nhà trường chỉ còn một khu chính tại thôn An Thung với diện tích 8897 m<sup>2</sup>. Năm học 2024-2025, trường có 15 lớp với tổng số 487 học sinh. Trung bình khoảng 32 HS/lớp. Diện tích đạt 18 m<sup>2</sup>/HS, vượt diện tích bình quân/HS theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT.

**Các tiêu chí về CSVC của trường Tiểu học Tiên Cường cụ thể như sau:**

- *Khối phòng học tập và khối phòng phục vụ học tập:*

+ Phòng học: Có 16 phòng học ( 15 phòng học văn hóa, 01 phòng tin học.).

Hiện nay trường phải đóng cửa 2 phòng học Mỹ thuật và âm nhạc do nhà xuống cấp không đảm bảo an toàn cho giáo viên và học sinh.

+ Phòng bộ môn: Chưa có các phòng bộ môn theo quy định.

+ Khối phòng phục vụ học tập: Thư viện chưa đạt chuẩn, chưa có phòng truyền thống.

- *Khối phòng hành chính quản trị*: Có đầy đủ phòng theo quy định

01 Phòng Hiệu trưởng 20 m<sup>2</sup>; 01 phòng Phó hiệu trưởng 18m<sup>2</sup>; 01 văn phòng (Phòng hội trường chung) 90 m<sup>2</sup>; 01 phòng kế toán 18m<sup>2</sup>; 02 khu vệ sinh khoảng 40m<sup>2</sup>; 02 khu để xe CB, GV, NV và HS khoảng 200m<sup>2</sup>; 01 phòng bảo vệ 12m<sup>2</sup>; Chưa có phòng chi bộ (Ghép với phòng Hiệu trưởng); Chưa có phòng công đoàn (Ghép với phòng PHT); Chưa có phòng chi đoàn.

- *Khối phục vụ sinh hoạt*: Chưa có nhà ăn riêng.

- *Hạ tầng kỹ thuật*: Có đầy đủ nước sạch, điện, hệ thống PCCC, hạ tầng CNTT, liên lạc. Rác thải trong trường được địa phương thu gom hằng ngày.

Theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 25/6/2024 của HĐND huyện Tiên Lãng về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới kiểu mẫu xã Tiên Cường, trường Tiểu học Tiên Cường được đầu tư xây mới 1 khu phòng học, phòng chức năng, phòng quản trị hành chính; 01 nhà đa năng dùng cho các hoạt động phục vụ học tập,

Như vậy, sau khi hoàn thành các hạng mục đầu tư nêu trên, trường Tiểu học Tiên Cường sẽ đảm bảo tiêu chuẩn CSVC mức độ 2.

\* **Trường THCS Tiên Cường**: Trường được thành lập trên cơ sở chia tách trường Phổ thông cơ sở Tiên Cường thành 2 trường phổ thông cấp 1 và phổ thông cấp 2 theo Quyết định số 407/QĐ-UB ngày 31/8/1993 của Ủy ban nhân dân huyện Tiên Lãng. Sau khi chia tách, trường THCS Tiên Cường gồm có 01 khu chính tại thôn An Thung, với diện tích 4 650 m<sup>2</sup>. Năm học 2024-2025, trường có 12 lớp với tổng số 421 học sinh. Trung bình khoảng 35 HS/lớp. Diện tích đạt 11 m<sup>2</sup>/HS, vượt diện tích bình quân/HS theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT.

***Các chỉ tiêu về CSVC của trường THCS Tiên Cường, cụ thể như sau:***

- *Khối phòng học tập và khối phòng phục vụ học tập*:

+ Phòng học: Có 11 phòng học văn hóa.

+ Phòng bộ môn: Chưa có các phòng bộ môn theo quy định.

+ Khối phòng phục vụ học tập: Thư viện chưa đạt chuẩn.

- *Khối phòng hành chính quản trị*:

01 Phòng Hiệu trưởng 24 m<sup>2</sup>; 01 phòng Phó hiệu trưởng 24m<sup>2</sup>; 01 văn phòng (Phòng hội trường chung) 90 m<sup>2</sup>; 01 phòng Kế toán, thủ quỹ 18m<sup>2</sup>; 02 khu vệ sinh

khoảng 40m<sup>2</sup>; 02 khu để xe CB, GV, NV và HS khoảng 200m<sup>2</sup>; 01 Phòng Bảo vệ 12m<sup>2</sup>; Chưa có phòng công đoàn; Chưa có phòng Đoàn đội.

- *Hạ tầng kỹ thuật*: Có đầy đủ nước sạch, điện, hệ thống PCCC, hạ tầng CNTT, liên lạc. Rác thải trong trường được địa phương thu gom hằng ngày.

Theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 25/6/2024 của HĐND huyện Tiên Lãng về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới nâng cao xã Tiên Cường, trường THCS Tiên Cường được đầu tư xây mới 1 khu phòng học, cho các hoạt động phục vụ học tập,

Như vậy, sau khi hoàn thành các hạng mục đầu tư nêu trên, trường THCS Tiên Cường cơ bản sẽ đảm bảo tiêu chuẩn CSVN mức độ 1.

*Chỉ tiêu 5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi:*

Đến tháng 5 năm 2024 đã huy động được 70% số học sinh trong độ tuổi mầm non đến trường, trẻ 5 tuổi huy động đạt 100%. Số trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non cho trẻ tháng 5/2024 là 98/98 trẻ. Đối chiếu với quy định tại Nghị định số 20/2014/NĐ-CP, xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi năm 2023, đạt tỉ lệ 100%, **đạt chuẩn PCGD mầm non cho trẻ 5 tuổi**

(theo Quyết định số 5273/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của UBND huyện Tiên Lãng)

*Đánh giá kết quả: Đạt.*

*Chỉ tiêu 5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở: Mức độ 3:*

- Phổ cập giáo dục tiểu học: Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào học lớp một đạt 100% (95/95 cháu); tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học tháng 5 năm 2024 là 97% (100/103 học sinh). Đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3.

- Phổ cập giáo dục THCS: Tỷ lệ trẻ em vào học lớp sáu đạt 100%; tỷ lệ tốt nghiệp THCS 82/83 năm 2024 là 99,2% . Đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 3.

- Phổ cập TH và nghề: Đạt chuẩn.

Đối chiếu với quy định tại Nghị định số 20/2014/NĐ-CP, **xã đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 3** (theo Quyết định số 5273/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của UBND huyện Tiên Lãng)

*Đánh giá kết quả: Đạt.*

*Chỉ tiêu 5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ: Mức độ 2:*

Năm 2023 tổng số người từ 15 đến 35 tuổi được công nhận biết chữ là 2018/2018 đạt 100%; tổng số người từ 15 đến 60 tuổi được công nhận biết chữ mức độ 2 là 4485/4485 đạt tỉ lệ 100%. Đối chiếu với quy định tại Nghị định số



20/2014/NĐ-CP, **xã đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2** (theo Quyết định số 5273/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của UBND huyện Tiên Lãng)

*Đánh giá kết quả: Đạt.*

*Chỉ tiêu 5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại:*

Trung tâm học tập cộng đồng của xã thường xuyên tổ chức hoạt động tập huấn đảm bảo hoạt động hiệu quả. Năm 2022 được huyện xếp loại khá.

Căn cứ Thông tư số 44/2014/TT-BGDĐT ngày 12/12/2014 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về đánh giá, xếp loại "Cộng đồng học tập" cấp xã, xã Tiên Cường tự đánh giá kết quả thực hiện 15 tiêu chí theo quy định đạt 80/100 điểm, không có tiêu chí đạt điểm 0, **đạt loại Khá** (loại Khá từ 70 – 84 điểm) (theo Quyết định số 5273/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của UBND huyện Tiên Lãng)

Đào tạo nghề cho lao động: Đào tạo, phổ biến kiến thức về tổ chức sản xuất, thị trường cho cán bộ hợp tác xã, chủ trang trại.

Tiếp cận các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề nông thôn ứng dụng trong sản xuất nông nghiệp ở các lĩnh vực chăn nuôi, trồng trọt..., vận động nhân dân cho con em học các nghề dân dụng, tiểu thủ công nghiệp.

*Đánh giá kết quả: Đạt.*

*Chỉ tiêu 5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền:*

Các trường mầm non, tiểu học, THCS trên địa bàn xã đều có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh đảm bảo chất lượng.

- Trường Mầm non thực hiện tốt công tác giáo dục vận động cho trẻ trong độ tuổi; thường xuyên tổ chức cho trẻ tham gia các loại hình vận động thô, vận động tinh, xây dựng khu vận động cho trẻ hoạt động trải nghiệm với các đồ dùng đồ chơi cho trẻ đảm bảo theo Thông tư số 01 (Nhà bóng, đu quay, cầu trượt, con nhún, bộ tập leo thang, đi cao thấp, cổng chui, bục bật, ghế băng, ghế thể dục, vòng, gậy thể dục, cột ném bóng...)

- Trường Tiểu học thực hiện đầy đủ các hoạt động giáo dục thể chất theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Quyết định 16/2006/QĐ-BGDĐT. Nhà trường có sân thể thao cho học sinh rèn luyện thể chất, sức bền; thành lập các câu lạc bộ đá cầu, bóng bàn, cầu lông để nâng cao thể chất cho học sinh.

- Trường Trung học cơ sở thực hiện tốt chương trình giảng dạy bộ môn Thể dục/Giáo dục thể chất trong trường học theo chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và chương trình giáo dục phổ thông ban 2006/QĐ-BGDĐT; học sinh nhà trường thường xuyên được rèn luyện thể lực, sức bền.

*Đánh giá kết quả: Đạt.*

c. Tự đánh giá: Đạt tiêu chí.

## **6. Tiêu chí số 6 về Văn hoá**

6.1. *Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên: Đạt.*

6.2. *“Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy đúng giá trị quy định”. Đạt*

6.3. *“Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới: > 80%”. Đạt*

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

*Chỉ tiêu 6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên:*

- Hệ thống thiết chế văn hóa xã, thôn đạt chuẩn:

+ Nhà văn hoá xã rộng 500m<sup>2</sup>, hội trường nhà văn hoá có 200 chỗ ngồi được trang bị đầy đủ trang thiết bị như bàn, ghế, âm thanh, ánh sáng...

+ Trung tâm Văn hóa, Thể thao xã được đầu tư xây dựng tại vị trí trung tâm, đảm bảo mọi người dân dễ tiếp cận và sử dụng thuận tiện. Quy mô xây dựng, trang thiết bị hoạt động đạt chuẩn theo quy định tại Thông tư 05 và Thông tư 12.

**+ Nhà văn hóa** - khu thể thao các thôn trên địa bàn xã được tu bổ, tôn tạo, xây mới, đảm bảo về diện tích, chỗ ngồi, trang thiết bị hoạt động theo quy định tại Thông tư 05 và Thông tư 06, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa - văn nghệ, thể dục thể thao của cộng đồng dân cư; cụ thể 6/6 thôn đều có khuôn viên nhà văn hóa, khu thể thao các thôn trên địa bàn xã được tu bổ, tôn tạo, xây mới, đảm bảo về diện tích từ 450m<sup>2</sup> – 3.500m<sup>2</sup>. Diện tích các nhà văn hoá đều đạt từ 100m<sup>2</sup> trở lên, chỗ ngồi từ 100 - 150 người trở lên, trang bị Quốc hiệu, Quốc huy, bàn ghế.

- Thường xuyên tổ chức các hoạt động: CLB Dân vũ; hội họp và tuyên truyền chính sách và khoa học kỹ thuật..

- Đảng, chính quyền địa phương thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt công tác tuyên truyền vận động nhân dân giữ vững truyền thống bản sắc văn hóa của quê hương, thực hiện tốt nếp sống văn hóa ở khu dân và chấp hành mọi chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương.

- Duy trì và nâng cao chất lượng phong trào văn hóa thể thao, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân.

- Trong giai đoạn 2015 – 2020 đã có 6/6 nhà văn hóa được đầu tư xây mới; quy mô, diện tích các nhà văn hoá đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Văn hoá - Thể thao và Du lịch.

- Hiện các điểm vui chơi thể thao của các thôn đã lắp đặt một số dụng cụ thể thao ngoài trời để phục vụ nhu cầu tập luyện thể dục thể thao của nhân dân như: bóng đá, bóng chuyền hơi, cầu lông, tập tạ, sà đơn, ... Các thiết bị dụng cụ được lắp đặt đúng quy định, đảm bảo an toàn cho nhân dân đến tập luyện. Trong thời gian tới sẽ tiếp tục huy động nguồn lực xã hội hóa để lắp đặt thêm các dụng cụ thể thao tại các điểm công cộng, nhà văn hóa thôn.

- Các loại hình văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức thường xuyên (bóng chuyền, cầu lông, dân vũ ...). Trên địa bàn xã có nhiều câu lạc bộ được thành lập và thu hút đông đảo nhân dân tham gia hưởng ứng, tập luyện, giao lưu thường xuyên (CLB bóng chuyền hơi nam, CLB bóng chuyền hơi nữ, CLB dân vũ, CLB hát dân ca ...). Đồng thời, chính quyền xã thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, đạt như các chương trình văn nghệ, các giải thể dục thể thao quần chúng mừng Đảng, mừng Xuân hàng năm, tổ chức liên hoan tiếng hát khu dân cư, ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân... góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân trên địa bàn.

- Thường xuyên tuyên truyền vận động cán bộ nhân dân thực hiện tốt các quy ước về nếp sống văn hóa, pháp luật, xây dựng nếp sống văn hóa ở khu dân cư. Thường xuyên tổ chức giao lưu, thi đấu giữa các thôn, vận động nhân dân tích cực tham gia các hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao.

- Tại Nhà văn hóa xã và nhà văn hóa các thôn đều bố trí tủ sách pháp luật và báo chí phục vụ nhu cầu đọc của người dân.

*Chỉ tiêu 6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy đúng giá trị quy định.*

- Di sản văn hóa trên địa bàn xã được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị theo quy định pháp luật về di sản văn hóa:

- Xã có 02 điểm di tích: Trong đó có di tích Khu lưu niệm cố Chủ tịch Tôn Đức Thắng đã được xếp hạng Di tích lịch sử cấp thành phố vào năm 2005 (*theo Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 28/01/2005 của UBND thành phố Hải Phòng*), đang đề nghị công nhận cấp quốc gia và Di tích Đình Đại Công đã được thành phố kiểm kê và đang làm thủ tục đề nghị UBND thành phố Hải Phòng xếp hạng Di tích lịch sử cấp thành phố.

- Việc thực hiện tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp các di tích luôn được thực hiện kịp thời, đảm bảo đúng quy định. Xã thực hiện hiệu quả công tác tuyên truyền, giới thiệu quảng bá về di sản văn hóa địa phương bằng nhiều hình thức: qua các phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội, tuyên truyền trong các nhà trường, trong sinh hoạt của các đoàn thể chính trị - xã hội....

- Bảo tồn, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của địa phương như lễ hội truyền thống của xã, câu lạc bộ thơ, đội văn nghệ của xã, thôn, vận động nhân dân

xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư gắn với xây dựng nông thôn mới.

- Vận động nhân dân chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước và quy định tại địa phương, thực hiện tốt hương ước làng văn hóa, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, thực hiện tốt chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình, tích cực tham gia phát triển kinh tế, giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội, tích cực tham gia xây dựng Đảng, chính quyền đoàn thể, tích cực xây dựng nếp sống văn hóa ở khu dân cư, xây dựng khu dân cư nông thôn mới.

- Trên địa bàn xã không xảy ra các hoạt động khiếu nại, khiếu kiện về di tích, danh lam thắng cảnh; không vi phạm trong các hoạt động trùng tu, tôn tạo di tích.

*Chỉ tiêu 6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới*

Năm 2023, trên địa bàn xã có:

- 6/6 thôn = 100% thôn, trên địa bàn xã được công nhận danh hiệu thôn văn hóa theo Quyết định số 5274/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của UBND huyện Tiên Lãng về việc công nhận danh hiệu Thôn văn hóa, Tổ dân phố văn hóa năm 2023

- Năm 2023 có 1.722/1.780 gia đình được công nhận đạt danh hiệu gia đình văn hóa theo quy định chiếm 96,74%, trong đó có 236 gia đình được biểu dương gia đình văn hóa tiêu biểu 3 năm liên tục chiếm 15%.

*Đánh giá kết quả: Đạt.*

c. Tự đánh giá: Đạt tiêu chí.

## **7. Tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn**

a. Yêu cầu của tiêu chí:

*Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm.*

b. Kết quả thực hiện tiêu chí.

Xã có 01 chợ nông thôn theo TCVN 9211:2012 do UBND xã quản lý. Là chợ hạng 3 kinh doanh những mặt hàng thông dụng và thiết yếu phục vụ đời sống hàng ngày của người dân, phạm vi phục vụ trong bán kính 3,5 km.

Tổng diện tích đất xây dựng chợ là 2.000m<sup>2</sup>, số hộ kinh doanh 107 hộ trong đó kinh doanh cố định 82, hộ kinh doanh tự do 25. Năm 2019 xã được Ban quản lý Dự án cạnh tranh ngành chăn nuôi và an toàn thực phẩm thành phố Hải Phòng (Dự án LIF SÁP) đã đầu tư vốn cải tạo và nâng cấp chợ Hòa Bình với số vốn đầu tư là 3,2 tỷ đồng.

Các khu chức năng của chợ bao gồm: Khu kinh doanh thực phẩm tươi sống; khu kinh doanh rau, củ, hoa quả; hệ thống nước máy sinh hoạt, hệ thống phòng cháy chữa cháy, khu thu gom rác đảm bảo vệ sinh môi trường, an ninh trật tự, hoạt động thương mại thuận lợi.

Tổ quản lý chợ gồm 3 thành viên hoạt động thường xuyên điều hành các hoạt động trong chợ.

Công tác quản lý, điều hành chợ: có Tổ quản lý chợ; có Nội quy chợ do UBND xã quy định và được niêm yết công khai để điều hành hoạt động và xử lý các vi phạm; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh tại chợ không thuộc danh mục cấm kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Chấp hành các quy định về phòng cháy chữa cháy và vệ sinh an toàn thực phẩm.

c. Tự đánh giá: Đạt tiêu chí.

## **8. Tiêu chí số 8 về Thông tin và Truyền thông**

*8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân: Đạt*

*8.2. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh:  $\geq 85\%$  Đạt*

*8.3. Có dịch vụ báo chí truyền thông: Đạt*

*8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội. Đạt*

*8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng. Đạt*

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

*Chỉ tiêu 8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân:*

Trên địa bàn xã có 01 điểm bưu điện xã với diện tích xây dựng 120m<sup>2</sup>; có trang thiết bị phù hợp với hình thức tổ chức cung ứng và nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu chính địa phương.

- Bưu điện xã có treo biển tên điểm phục vụ theo quy định và niêm yết giờ mở cửa phục vụ và các thông tin về dịch vụ bưu chính cung ứng tại điểm phục vụ.

- Thời gian mở cửa phục vụ đảm bảo tối thiểu 8 giờ/ngày làm việc (từ 07 giờ 30 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ 30 phút).

- Về dịch vụ: Tại điểm bưu điện xã cung cấp các dịch vụ:

+ Dịch vụ thư có địa chỉ nhận, khối lượng đơn chiếc đến 2 kg.

+ Dịch vụ gói, kiện hàng hóa có khối lượng đơn chiếc không giới hạn.

Điểm bưu điện xã có trang bị máy vi tính kết nối Internet tốc độ cao, có khả năng phục vụ nhu cầu sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân trên địa bàn.

*Chỉ tiêu 8.2 Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh*

Hiện nay, trên địa bàn xã, tỷ lệ dân số theo độ tuổi lao động sử dụng điện thoại thông minh 3.852/4.478 người chiếm tỷ lệ 86%.

*Chỉ tiêu 8.3 Có dịch vụ báo chí, truyền thông*

- 100% thôn của xã có hệ thống loa truyền thanh hoạt động thường xuyên;

- 100% số thôn trong xã có hộ gia đình thu xem được 01 trong số các phương thức truyền hình vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền hình qua mạng Internet;
- Bưu điện xã là nơi cung cấp xuất bản phẩm trên địa bàn xã.

*Chỉ tiêu 8.4 Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội*

Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành tại địa chỉ: <https://qlvb.hpnet.vn/>; Hộp thư điện tử công vụ: [Ubtiencuong@haiphong.gov.vn](mailto:Ubtiencuong@haiphong.gov.vn); Dịch vụ công trực tuyến thành phố Hải Phòng: <https://dichvucong.haiphong.gov.vn/>; Phần mềm Một cửa điện tử: <http://motcuathanhphohaiphong.gov.vn>; Phần mềm của Bộ Tư pháp phục vụ khai sinh, khai tử, kết hôn tại địa chỉ: [www.moj.gov.vn](http://www.moj.gov.vn); Phần mềm dữ liệu dân cư của Bộ Công an: [Dichvucong.dancuquocgia.gov.vn](http://Dichvucong.dancuquocgia.gov.vn)

Năm 2024, tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã tính đến ngày 15/8/2024 đạt 108/112 hồ sơ đạt 96,4%.

Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin 17/17 đồng chí đạt: 100%. Các cán bộ, công chức các cấp được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức kỹ năng số và an toàn thông tin qua nền tảng trực tuyến OneTouch của thành phố năm 2023.

Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản 3.135/4.478 người đạt: 70%.

Xã Tiên Cường đăng ký sản phẩm OCOP đánh giá 3 sao và đang phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn chủ thể hoàn thiện các điều kiện để đề nghị xét sản phẩm OCOP đối với sản phẩm bánh đa Tiên Cường và giới thiệu, quảng bá trên nền tảng sàn thương mại điện tử.

Với tiêu chí 100% các hộ gia đình, cơ quan, tổ chức, di tích được thông báo, gắn biển địa chỉ số đến từng điểm địa chỉ: ngày 30/6/2023 Bộ Thông tin và Truyền thông có Văn bản số 2534/BTTTT-KHTC về việc áp dụng tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao đối với chỉ tiêu 4đ tại Phụ lục kèm theo Quyết định 1127/QĐ-BTTTT. Theo đó, tiếp tục lùi thời hạn áp dụng tiêu chí “100% hộ gia đình, cơ quan, tổ chức, khu di tích được thông báo, gắn biển địa chỉ số đến từng điểm địa chỉ” quy định tại điểm đ, tiêu chí 4, phụ lục 2 của Quyết định số 1127/QĐ-BTTTT ngày 22/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

*Đánh giá tiêu chí: Đạt*

*Chỉ tiêu 8.5 Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng*

- Trên địa bàn xã có 7 điểm được lắp đặt mạng wifi miễn phí phục vụ nhu cầu truy cập Internet của Nhân dân, cụ thể các điểm: Trụ sở UBND xã, Bộ phận Một cửa xã, trạm y tế, 3 trường học, nhà văn hoá thôn An Thung.

Các điểm wifi miễn phí đều được đo kiểm qua ứng dụng ISpeed thời gian trễ trung bình của tốc độ Download và Upload < 50ms, đảm bảo theo các quy chuẩn:

QCVN 34:2022/BTTTT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định mặt đất (dịch vụ Internet cáp quang hộ gia đình) và QCVN 81:2019/BTTTT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng dịch vụ truy nhập Internet trên mạng viễn thông di động mặt đất.

*Đánh giá kết quả: Đạt*

c. Tự đánh giá: Đạt tiêu chí

## **9. Tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư**

a. Yêu cầu của tiêu chí:

*Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố: 100%*

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

+ Hiện trạng nhà ở dân cư:

Trên địa bàn xã không còn nhà tạm, nhà dột nát; 1.972/1.972 số hộ có nhà đạt chuẩn của Bộ Xây dựng đạt 100%. Nhà ở đảm bảo 3 cứng (nền cứng, khung cứng, mái cứng), diện tích nhà ở từ 14m<sup>2</sup>/người trở lên, diện tích tối thiểu căn nhà lớn hơn 30m<sup>2</sup> (đối với hộ đơn thân lớn hơn 18m<sup>2</sup>), niên hạn sử dụng công trình nhà ở trên 20 năm, có các công trình phụ trợ nhà vệ sinh, bếp được bố trí hợp vệ sinh, thuận tiện cho sinh hoạt, thu gom các loại chất thải, có kiến trúc phù hợp với phong tục, tập quán của địa phương.

- Các nội dung đã thực hiện:

Tuyên truyền vận động Nhân dân chỉnh trang, nâng cấp các công trình nhà ở, công trình phụ, tường bao, cổng khang trang sạch đẹp.

- Khối lượng thực hiện:

Hàng năm đều đăng ký tu sửa nhà cho các đối tượng chính sách, hộ nghèo đảm bảo đạt tiêu chí. Thực hiện hỗ trợ nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở; Nghị quyết số 32/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của Hội đồng nhân dân thành phố về cơ chế, chính sách hỗ trợ xây mới, sửa chữa nhà ở đối với hộ gia đình người có công với cách mạng có khó khăn về nhà ở trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Nghị quyết số 52/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố về cơ chế, chính sách hỗ trợ xây mới, sửa chữa nhà ở đối với hộ nghèo trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2020-2025 và Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc sửa đổi điều 1 Nghị quyết số: 32/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 và điều 1 Nghị quyết số 52/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019. Tổng số tiền và nguyên vật liệu đã hỗ trợ từ năm 2019 đến nay là:

+ Hỗ trợ nhà ở cho Người có công: 90 hộ với số tiền mặt là 2.920 triệu đồng, nguyên vật liệu cho 3 hộ: gạch 42.000 viên, xi măng 17.7 tấn.

+ Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo: hỗ trợ tiền mặt cho 11 hộ: 270 triệu đồng, nguyên vật liệu cho 02 hộ: 28.000 viên gạch, 11.8 tấn xi măng.

c. Tự đánh giá: Đạt tiêu chí

### **10. Tiêu chí số 10 về Thu nhập**

a. Yêu cầu của tiêu chí:

*Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người) năm 2024  $\geq$  72 triệu đồng*

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện giải pháp đó là: tiếp tục tận dụng thế mạnh sẵn có của địa phương về sự phát triển đa dạng các ngành nghề truyền thống và điều kiện thuận lợi về địa lý để tuyên truyền vận động Nhân dân tập trung phát triển kinh tế nhất là đẩy mạnh phát triển ngành nghề sẵn có, quy hoạch mở các xưởng vừa và nhỏ tạo sự đột phá về thu nhập.

Tuy vậy, trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, phát triển chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản là thế mạnh của địa phương luôn luôn được coi trọng.

+ Về nông nghiệp: Xã duy trì cấy 100% diện tích lúa bằng các giống ngắn ngày, bỏ dần giống dài ngày. Quy vùng sản xuất tập trung và 1 vùng sản xuất lúa chất lượng cao, năng suất lúa hàng năm đạt từ 12 - 13 tấn/ha.

+ Tiếp tục duy trì phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm theo quy mô trang trại, gia trại kết hợp với nuôi trồng thủy sản công nghiệp và quảng canh đặc biệt tại các vùng đồng ruộng khó canh tác mang lại hiệu quả kinh tế cao.

+ Tiếp tục phát triển cây màu, đặc biệt là phát triển cây dưa hấu theo tiêu chuẩn VietGap.

+ Duy trì và phát triển mở rộng các xưởng lắp ráp linh kiện điện tử, xưởng may mặc, xưởng giày da.... tạo việc làm cho người lao động, các xưởng thường xuyên có từ 30-40 lao động có việc làm.

+ Các ngành nghề khác như: Nghề mộc, gò hàn cơ khí, chế biến lương thực, thực phẩm, thương mại dịch vụ ngày một phát triển đa dạng và được mở rộng.

Thu nhập bình quân đầu người năm 2024 đạt 79,5 triệu đồng/người/năm, tăng 1,13 lần so với năm 2023 (thu nhập bình quân đầu người năm 2023 là 70,5 triệu đồng/người/năm) và tăng 1,4 lần so với năm 2021 (thu nhập bình quân đầu người năm 2021 là 56,6 triệu đồng/người/năm).

c. Tự đánh giá: Đạt tiêu chí.

### **11. Tiêu chí số 11 về Nghèo đa chiều**

a. Yêu cầu của tiêu chí:

*Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 là  $< 1,0\%$*

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Công tác giảm nghèo được chính quyền từ xã đến thôn đều quan tâm thực



hiện. Tuyên truyền hướng dẫn nhân dân tích cực tăng gia sản xuất xóa đói giảm nghèo, giao các đồng chí công chức, đoàn thể phụ trách các thôn, các hộ nghèo Tổ chức tuyên truyền giúp hộ nghèo được tiếp cận các nguồn vốn tín dụng ưu đãi để phát triển sản xuất như cấp giống bò, lợn, gà... để phát triển chăn nuôi, triển khai các gói hỗ trợ cho vay vốn của ngân hàng chính sách, các tổ chức chính trị xã hội của huyện để nhân dân tăng gia phát triển sản xuất.

- Phát động phong trào toàn dân trong xã đóng góp xây dựng quỹ “Vì người nghèo”, hỗ trợ xóa nhà tạm cho hộ nghèo, triển khai thực hiện hỗ trợ xây mới và sửa chữa nhà ở cho hộ nghèo theo Nghị quyết số 52/2019/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố. Hằng năm tổ chức các lớp tập huấn hướng dẫn hộ nghèo kỹ thuật thâm canh cây trồng, chăm sóc gia súc, gia cầm nhằm phát triển gia trại nâng cao thu nhập cho người dân. Tỷ lệ hộ nghèo hàng năm giảm bền vững.

\* Ước thực hiện năm 2024:

- Tổng số hộ dân cư là 1.972 hộ

- Không có hộ nghèo.

- Số hộ cận nghèo đa chiều là 30 hộ, trong đó số hộ cận nghèo đa chiều không có khả năng lao động là 27 hộ.

- Tỷ lệ hộ cận nghèo đa chiều (sau khi trừ đi số hộ cận nghèo không có khả năng lao động) là 0,15%.

- Tỷ lệ nghèo đa chiều năm 2024: 0,15%

c. Tự đánh giá: Đạt tiêu chí

## **12. Tiêu chí số 12 về Lao động**

a. Yêu cầu của tiêu chí:

12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo  $\geq 87\%$ .

12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)  $\geq 40\%$ .

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

Thực hiện điều tra, khảo sát thu thập thông tin đến hộ gia đình để đánh giá thực trạng các tiêu chí kết quả như sau:

- Tập trung tuyên truyền vận động Nhân dân tích cực mở rộng ngành nghề sản xuất, thương mại, dịch vụ. Các tổ chức đoàn thể đã tích cực vận động hội viên lao động nâng cao tay nghề, ứng tuyển vào các doanh nghiệp trong và ngoài địa bàn huyện. Tuyên truyền hướng nghiệp cho người lao động tham gia các lớp tập huấn nghề, đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

Chỉ tiêu 12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo  $\geq 87\%$ :

Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) đạt 88,8% (3.978 lao động qua đào tạo/ 4.478 lao động)

Đánh giá kết quả: Đạt

*Chỉ tiêu 12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)  $\geq 40\%$ :*

*Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) đạt 40,3% (1.803 lao động có bằng cấp, chứng chỉ/4.478 lao động).*

*Đánh giá kết quả: Đạt*

c. Tự đánh giá: Đạt tiêu chí

### **13. Tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn**

a. Yêu cầu của tiêu chí:

*13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định  $\geq 1$*

*13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn: Đạt*

*13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM), hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, hoặc mô hình liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm  $\geq 1$*

*13.4. Ứng dụng công nghệ số để thực hiện truy suất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã: Đạt*

*13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử  $\geq 50\%$*

*13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng: Đạt*

*13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội: Đạt*

*13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường): Đạt*

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

+ Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo đối với Hợp tác xã dịch vụ Nông nghiệp, tham gia việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp tập trung của địa phương.

+ Triển khai kế hoạch sản xuất nông nghiệp gắn với xây dựng vùng sản xuất tập trung, thành lập Tổ hợp tác cơ giới hóa đồng bộ vào sản xuất nông nghiệp.

+ Hợp tác xã dịch vụ Nông nghiệp liên kết với các hộ nông dân ký kết với các doanh nghiệp bao tiêu sản phẩm về khoai tây, vùng sản xuất tập trung ...

- Các nội dung xã đã thực hiện và khối lượng thực hiện:

*Chỉ tiêu 13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo*

*chuỗi giá trị ổn định  $\geq 1$ :*

Xã có Hợp tác xã nông nghiệp xã Tiên Cường, được thành lập theo Giấy chứng nhận số 0207J000051/HKD, đăng ký lần đầu vào ngày 14/11/2018, vốn điều lệ là 249 triệu đồng, đến nay, HTX nông nghiệp xã Tiên Cường có tổng số 7 thành viên góp vốn. Các khâu dịch vụ sản xuất kinh doanh chủ yếu gồm: KHKT, bảo vệ đồng ruộng, bao tiêu sản phẩm hàng hóa, cung ứng giống, thuốc bảo vệ thực vật, vật tư phân bón,...

+ Hợp tác xã hoạt động hiệu quả. Kết quả xếp loại Hợp tác xã 3 năm 2020, 2021, 2022 đạt loại Khá.

+ Hợp tác xã có hợp đồng sản xuất kinh doanh và dịch vụ cung cấp giống bao tiêu sản phẩm với Công ty TNHH thương mại Đức Minh.

+ Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp hàng năm đều ký kết bảo quản sản phẩm giống khoai tây cho nông dân, với sức chứa kho lạnh từ 15 đến 30 tấn/năm.

*Đánh giá kết quả: Đạt.*

*Chỉ tiêu 13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn:*

Xã Tiên Cường lựa chọn sản phẩm bánh đa của hộ ông Ngô Văn Minh thôn Đại Độ, đăng ký sản phẩm OCOP đánh giá 3 sao. UBND xã phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn chủ thể hoàn thiện các điều kiện để đề nghị xét sản phẩm OCOP đối với sản phẩm bánh đa Tiên Cường.

*Đánh giá kết quả: Đạt.*

*Chỉ tiêu 13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM), hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, hoặc mô hình liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm  $\geq 1$*

Xã có mô hình sản xuất nông nghiệp có chất lượng, an toàn và mang lại hiệu quả kinh tế, đang hoàn thiện hồ sơ đề nghị thực hiện theo chương trình Vietgap với sản phẩm cây dưa hấu (diện tích 10ha) tại xứ đồng Bên Tây, Ao Đường, Ruộng lấp thôn Đại Công do Tổ Hợp tác xã sản xuất thôn Đại Công thực hiện, đây là mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu trên địa bàn xã.

Xã có mô hình chăn nuôi ATTP theo phương án nâng cao chất lượng, an toàn thực phẩm của hộ ông Lưu Xuân Vàng thôn Sinh Đan, được thực hiện ứng dụng công nghệ cao tự động điều khiển trong chăn nuôi.

*Đánh giá kết quả: Đạt.*

*Chỉ tiêu 13.4. Ứng dụng công nghệ số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã: Đạt*

Dưa hấu là sản phẩm chủ lực của xã. Hiện tại xã kết hợp với Trung tâm kiểm

nghiệm và chứng nhận chất lượng nông lâm thủy sản Thanh Hóa đang hoàn thiện hồ sơ chứng nhận 10ha trồng dưa hấu tại thôn Đại Công có tem mác, truy suất nguồn gốc.

*Đánh giá kết quả: Đạt.*

*Chỉ tiêu 13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử  $\geq 50\%$ :*

Xã dự kiến sản phẩm Dưa hấu là sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử chủ thể là Tổ HTX sản xuất thôn Đại Công, kênh thương mại điện tử: [postmart.com.vn](http://postmart.com.vn)

*Đánh giá kết quả: Đạt.*

*Chỉ tiêu 13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng:*

Xã đang hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp mã vùng trồng đối với sản phẩm Dưa hấu của các hộ dân thuộc khu Bên Tây, Ao đường, Ruộng lếp thôn Đại Công diện tích là 10 ha do Tổ HTX sản xuất thôn Đại Công thực hiện.

*Đánh giá kết quả: Đạt.*

*Chỉ tiêu 13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội:*

Hoạt động quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã được triển khai trên Cổng thông tin điện tử của UBND xã, cụ thể:

Đường link: [xatiencuong.tienlang.haiphong.gov.vn/Du-lich](http://xatiencuong.tienlang.haiphong.gov.vn/Du-lich)

<https://tiencuong.tienlang.haiphong.gov.vn/du-lich/di-tich-khu-luu-niem-chu-tich-nuoc-ton-duc-thang-698623>

<https://tiencuong.tienlang.haiphong.gov.vn/du-lich/khu-luu-niem-chu-tich-ton-duc-thang-698630>

<https://tiencuong.tienlang.haiphong.gov.vn/du-lich/tu-lieu-han-nom-cua-chua-thanh-long-698635>

<https://tiencuong.tienlang.haiphong.gov.vn/tin-tuc-su-kien/nong-dan-thu-hoach-vu-dua-xuan-698640>

*Đánh giá kết quả: Đạt.*

*Chỉ tiêu 13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường):*

Xã có mô hình sản xuất nông nghiệp có chất lượng, an toàn và mang lại hiệu quả kinh tế cao là mô hình chăn nuôi ATTP theo phương án nâng cao chất lượng, an toàn thực phẩm của hộ ông Lưu Xuân Vàng thôn Sinh Đan, quy mô 650 con, mang lại hiệu quả kinh cao, lợi nhuận thu lãi khoảng 600-800 triệu/năm và sản phẩm cây

Dưa hấu, diện tích 64 ha, sản lượng từ 30 - 32 tấn/ha, cho thu nhập trên 700 triệu/ha/năm. Hiệu quả theo hướng tích hợp giá trị kinh tế, văn hoá, môi trường.

*Đánh giá kết quả: Đạt.*

c. Tự đánh giá: Đạt tiêu chí.

#### **14. Tiêu chí số 14 về Y tế**

a. Yêu cầu của tiêu chí:

*14.1 Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)  $\geq 95\%$ ;*

*14.2 Xã triển khai thực hiện quản lý sức khỏe điện tử: Đạt*

*14.3 Xã triển khai thực hiện khám chữa bệnh từ xa: Đạt*

*14.4 Xã triển khai thực hiện tốt sổ khám chữa bệnh điện tử: Đạt*

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

##### **- Tình hình tổ chức, triển khai thực hiện**

+ Kiện toàn Ban Chỉ đạo chăm sóc sức khỏe ban đầu của địa phương. Ban Chỉ đạo đã họp xây dựng và triển khai kế hoạch chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho Nhân dân.

+ Tuyên truyền vận động Nhân dân tham gia bảo hiểm y tế, lợi ích của việc tham gia bảo hiểm y tế trên hệ thống loa truyền thanh của xã, ở các hội nghị từ xã tới thôn, từng nhà để vận động người dân cùng tham gia mua Bảo hiểm y tế từ đó người dân nhiệt tình tham gia để bảo vệ sức khỏe cho chính mình, đề phòng khi có ốm đau, bệnh tật; tuyên truyền các biện pháp chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh đặc biệt là dịch bệnh sốt xuất huyết, tiêm phòng vắc xin, tuyên truyền, hướng dẫn người dân cài đặt và sử dụng ứng dụng sổ sức khỏe điện tử; hướng dẫn thực hành dinh dưỡng ....

##### **- Các nội dung đã thực hiện**

- Tăng cường công tác tuyên truyền thực hiện Luật Bảo hiểm y tế, tích cực vận động Nhân dân tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện; Các nhóm cộng tác viên tuyên truyền vận động đến từng hộ dân về việc tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện và lợi ích của việc tham gia bảo hiểm; Tại tuyến trạm y tế xã đã có phần mềm bảo hiểm y tế liên thông thực hiện khám bệnh, cấp thuốc cho người dân.

- Kiểm tra rà soát các trang thiết bị của Trạm Y tế để bổ sung đảm bảo công tác khám chữa bệnh cho Nhân dân.

- Trạm y tế xã đặt ở thôn Thiên Kha với diện tích 1225m<sup>2</sup> (<1.000m<sup>2</sup>). Hiện tại công trình là 02 dãy nhà cấp 4 gồm 9 phòng chức năng. Trong đó các dãy nhà đã có hiện tượng xuống cấp chưa được sửa chữa.

- Nhân lực: Trạm có 06 cán bộ, trong đó: 03 y sỹ đa khoa, 01 y sỹ đa khoa đang đi học đại học, 01 nữ hộ sinh cao đẳng và 01 điều dưỡng đại học học và 01 cán bộ

làm công tác dân số; xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế theo Quyết định công nhận số 35/QĐ-UBND ngày 22/8/2014 của UBND thành phố Hải Phòng; Trạm y tế xã có đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế đảm bảo khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế, đáp ứng tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân và thực hiện tốt các chương trình mục tiêu y tế - dân số tại địa phương.

+ Tại Trạm Y tế đã cài đặt phần mềm quản lý Trạm Y tế, lập hồ sơ sức khỏe điện tử, phần mềm quản lý F0, quản lý tiêm chủng mở rộng, tiêm phòng Covid-19, khám chữa bệnh bảo hiểm y tế.

+ Phối hợp với các bộ phận chuyên môn của Trung tâm Y tế, các khoa, phòng để hội chẩn, tư vấn điều trị cho bệnh nhân. Tăng cường truyền thông cho người dân, khuyến khích sử dụng dịch vụ khám, chữa bệnh từ xa.

+ Người dân đi khám bệnh từng bước thay thế sổ khám bệnh giấy bằng cách dùng điện thoại thông minh có cài APP để ghi triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, tiền sử bệnh tật chẩn đoán và kê đơn thuốc điều trị ngoại trú.

+ Người dân cập nhật kết quả khám, chữa bệnh hàng ngày khi đi khám bệnh, chữa bệnh.

- Kết quả thực hiện:

*Chỉ tiêu 14.1 Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) >96 %:*

Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe: Qua điều tra rà soát của Ủy ban nhân dân xã đến hộ gia đình từ ngày 14/7 đến 25/7/2023 tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế: là 6.694/6973 đạt 96% (có bảng báo cáo tổng hợp)

*Đánh giá kết quả: Đạt.*

*Chỉ tiêu 14.2 Xã triển khai thực hiện quản lý sức khỏe điện tử: Đạt*

Xã triển khai quản lý sức khỏe điện tử cho người cao tuổi tiêm chủng mở rộng, bệnh nhân động kinh, tâm thần, trẻ em suy dinh dưỡng.

*Đánh giá kết quả: Đạt.*

*Chỉ tiêu 14.3 Xã triển khai thực hiện khám chữa bệnh từ xa: Đạt*

Triển khai khám chữa bệnh từ xa cho người cao tuổi, người mắc bệnh mãn tính, tư vấn sức khỏe cho bà mẹ nang thai.

*Đánh giá kết quả: Đạt.*

*Chỉ tiêu 14.4 Xã triển khai thực hiện tốt sổ khám chữa bệnh điện tử: Đạt*

Triển khai thực hiện tốt sổ khám sức khỏe người cao tuổi, người khám chữa bệnh bảo hiểm y tế, sổ tiêm chủng trẻ em v.v...

*Đánh giá kết quả: Đạt.*

c. Tự đánh giá: Đạt tiêu chí.

## **15. Tiêu chí số 15 về Hành chính công**

a. Yêu cầu của tiêu chí:

15.1. *Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính: Đạt*

15.2. *Có dịch vụ công trực tuyến một phần: Đạt*

15.3. *Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp: Đạt*

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

*Chỉ tiêu 15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính:*

- 100% cán bộ, công chức xã được giao nhiệm vụ tiếp nhận và giải quyết hồ sơ TTHC đã được cấp và sử dụng tài khoản để xử lý hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của thành phố. Thường xuyên được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng thành thạo phần mềm Hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu Một cửa điện tử, Cổng dịch vụ công trực tuyến của thành phố, của quốc gia trong việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính cho tổ chức và cá nhân.

- Xã có 82 thủ tục hành chính cấp xã đủ điều kiện và đã được triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công thành phố theo quy định. 100% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được cập nhật vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thành phố.

*Đánh giá kết quả: Đạt.*

*Chỉ tiêu 15.2. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên:*

- UBND xã đã triển khai cung cấp 42 TTHC mức độ một phần trên Cổng dịch vụ công thành phố theo quy định tại Quyết định số 2962/QĐ-UBND ngày 29/9/2023 của UBND thành phố.

- 100% hồ sơ thủ tục hành chính cấp xã đều được tiếp nhận và xử lý trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố.

*\* Ghi chú: thống kê trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của thành phố*

*Đánh giá kết quả: Đạt.*

*Chỉ tiêu 15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp.*

**- Giải quyết các TTHC đảm bảo đúng quy định:**

+ UBND xã thực hiện niêm yết công khai số điện thoại của Chủ tịch UBND huyện, Trưởng công an huyện, Chủ tịch UBND xã, Trưởng Công an xã, danh sách cán bộ, công chức giải quyết TTHC, thông tin đường dây nóng tiếp nhận phản ánh, kiến nghị để Nhân dân tiện liên hệ và phản ánh khi cần thiết.

+ Ủy ban nhân dân xã đã niêm yết công khai 114 TTHC của 11 lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã gồm: Tư pháp 33 TTHC, Giao thông Vận tải 12 TTHC, Lao động-Thương binh và Xã hội 17 TTHC, Văn hóa - Thể thao và

gia đình 07 TTHC, Thanh tra 07 TTHC, Nội vụ 15 TTHC, Tài nguyên - Môi trường 03 TTHC, Nông nghiệp và phát triển nông thôn 11 TTHC; Giáo dục và Đào tạo 05 TTHC; Y tế 01 TTHC; Kế hoạch và Đầu tư 03 TTHC.

+ Ủy ban nhân dân xã thực hiện đảm bảo cập nhật, xử lý 100% hồ sơ giải quyết TTHC trên Hệ thống Một cửa điện tử và dịch vụ công trực tuyến; thực hiện nghiêm quy trình xử lý hồ sơ thủ tục hành chính, không để phát sinh hồ sơ quá hạn do lỗi cập nhật, xử lý Hệ thống. Đồng thời, sử dụng số liệu trên Hệ thống trong báo cáo định kỳ công tác kiểm soát TTHC của địa phương.

UBND xã đã ban hành Quyết định số 97/QĐ-UBND ngày 26/9/2023 kiện toàn Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính (Bộ phận “Một cửa”). Triển khai sử dụng Bộ nhận diện thương hiệu tại Bộ phận “Một cửa”. Bộ phận “Một cửa” luôn có thái độ nghiêm túc, cởi mở, khẩn trương tạo điều kiện thuận lợi nhất cho tổ chức, công dân gửi và đến giao dịch các thủ tục hành chính, đảm bảo đúng quy định; tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính đều sớm và đúng hạn, không có tình trạng quá hạn; công khai danh sách, số điện thoại cán bộ, công chức phụ trách giải quyết các lĩnh vực, quy chế hoạt động, thủ tục hành chính, quy trình giải quyết thủ tục hành chính, bảng thu phí, lệ phí, đảm bảo quá trình giải quyết thủ tục hành chính minh bạch.

Ủy ban nhân dân xã ban hành Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 26/01/2024 về cải cách hành chính xã Tiên Cường năm 2024, Kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 28/02/2024 về kiểm soát thủ tục hành chính năm 2024 trên địa bàn xã. Thực hiện báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính, kiểm soát TTHC định kỳ theo đúng thời gian quy định.

Tính từ ngày 01/01/2021 đến 14/6/2024 tại bộ phận một cửa đã tiếp nhận 667 hồ sơ thủ tục hành chính; đã giải quyết và trả đúng hạn 667 hồ sơ, không có hồ sơ quá hạn. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã 7 tháng đầu năm đạt 98%.

+ Thực hiện Kế hoạch số 19a/KH-UBND ngày 01/02/2021 của UBND huyện về số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện, cấp xã và các văn bản hướng dẫn của UBND huyện về số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính, Ủy ban nhân dân xã hoàn thành số hóa, lưu trữ dữ liệu kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực các giai đoạn: 322 TTHC giai đoạn 2014-2021, 184 TTHC giai đoạn 2008-2013, 2001-2007.

+ Ủy ban nhân dân xã đã ban hành Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 31/01/2023 ban hành Quy chế phối hợp theo cơ chế một cửa và tổ chức hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính tại UBND xã Tiên Cường trong đó quy định về thực hiện xin lỗi công khai theo quy định khi giải quyết hồ sơ TTHC quá hạn tại Bộ phận “Một cửa” xã; công khai thông tin đường dây nóng tiếp



nhận phản ánh, kiến nghị tại Bộ phận “Một cửa. Trong 4 năm 2020,2021,2022, 2023 chưa để xảy ra giải quyết thủ tục hành chính quá hạn.

+ Trong 3 năm 2021,2022,2023 không có kết quả thủ tục hành chính nào phải sửa đổi bổ sung do lỗi của cơ quan nhà nước, không có ý kiến phản ánh kiến nghị về hành vi, thái độ những nhiều, gây phiền hà, không thực hiện, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định của pháp luật về giải quyết thủ tục hành chính.

+ Từ năm 2022 đến nay chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp trong thực hiện Thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công của xã luôn được xếp loại tốt trở lên.

+ Hiện nay số lượng thủ tục hành chính thực hiện tại Bộ phận Một cửa tăng lên nhiều so với trước nhưng cơ bản đã được giải quyết nhanh chóng ngay trong ngày và trước thời gian quy định. Tinh thần, thái độ phục vụ của cán bộ, công chức trách nhiệm, tận tình, qua kiểm tra, khảo sát trực tiếp người dân, đa số người dân được hỏi hài lòng về thái độ phục vụ, tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức Bộ phận “Một cửa”. Lấy phiếu xin ý kiến của 160 cá nhân, tổ chức thì có 160 trường hợp đều thể hiện ý kiến hài lòng của người dân đối với bộ phận một cửa của địa phương công khai danh sách, số điện thoại cán bộ, công chức phụ trách giải quyết các lĩnh vực, quy chế hoạt động, thủ tục hành chính, quy trình giải quyết thủ tục hành chính, bảng thu phí, lệ phí, đảm bảo quá trình giải quyết thủ tục hành chính minh bạch.

#### **- Không để xảy ra khiếu nại vượt cấp:**

UBND xã bố trí phòng tiếp dân và trang bị cơ sở vật chất phục vụ công tác tiếp công dân đảm bảo trang trọng và văn minh tại công sở, phân công cán bộ tiếp công dân, xử lý đơn thư; niêm yết công khai Nội quy, Quy chế, Thông báo lịch tiếp công dân năm 2024 (Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 01/02/2023 ban hành Nội quy tiếp công dân tại Trụ sở tiếp công dân xã Tiên Cường, Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 01/02/2023 ban hành Quy chế tiếp công dân của Chủ tịch uỷ ban nhân dân xã Tiên Cường, Thông báo số 05/TB-UBND ngày 15/02/2024 về lịch tiếp công dân định kỳ của Chủ tịch UBND xã năm 2024).

Chủ tịch UBND xã đã làm tốt công tác tiếp công dân thường xuyên và đột xuất, giải quyết dứt điểm các đơn thư, kiến nghị của Nhân dân, đúng trình tự, đúng thẩm quyền và thời gian, không để đơn thư tồn đọng, kéo dài, hạn chế tình trạng phát sinh gửi đơn thư vượt cấp. Từ đầu năm đến nay không phát sinh đơn thư khiếu nại vượt cấp.

*Đánh giá kết quả: Đạt.*

c. Tự đánh giá: Đạt tiêu chí.

### **16. Tiêu chí số 16 về Tiếp cận pháp luật**

a. Yêu cầu của tiêu chí:

*16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật và mô hình điển*

*hình về hòa giải ở cơ sở: Đạt*

*16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành:  $\geq 90\%$*

*16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu:  $\geq 90\%$*

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

Hàng năm, Ủy ban nhân dân xã xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả kế hoạch công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Qua đó, đã góp phần nâng cao hiểu biết và ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ và Nhân dân, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã.

Năm 2023 xã Tiên Cường đạt chuẩn về tiếp cận pháp luật theo quy định tại Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 26/01/2024 của UBND huyện, duy trì và giữ vững kết quả so với năm bắt đầu triển khai đánh giá.

- Các nội dung đã thực hiện:

*Chỉ tiêu 16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật và mô hình điển hình về hòa giải ở cơ sở: Đạt*

Hiện tại xã có 01 mô hình về phổ biến pháp luật:

+ Mô hình CLB “Nông dân với pháp luật” thành lập theo Quyết định số 01/QĐ-UBND, ngày 08/9/2020 của UBND xã Tiên Cường. Mô hình hiện đang hoạt động hiệu quả, góp phần nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của các tầng lớp Nhân dân trên địa bàn xã cũng như hạn chế xảy ra tình trạng vi phạm pháp luật, khiếu nại, khiếu kiện vượt cấp, các tranh chấp mâu thuẫn trong cộng đồng dân cư góp phần đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn xã. Với thành tích đã đạt được, ngày 25/12/2023, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 5257/QĐ-UBND về việc khen thưởng Mô hình Câu lạc bộ “Nông dân với pháp luật” xã Tiên Cường.

+ Xã có mô hình “Tổ hòa giải điểm” thôn An Thung thành lập theo Quyết định số 55/QĐ-UBND ngày 20/7/2023 của UBND xã, các thành viên của tổ hòa giải đều là những nông dân hoạt động tích cực trong mọi mặt công tác tại cơ sở, có uy tín đối với bà con nhân dân và đã được tham gia tập huấn kiến thức, kỹ năng hoạt động. Từ khi thành lập, mô hình này đã phát huy tích cực, đã hòa giải thành công 02 vụ việc xích mích, tranh chấp nhỏ tại cộng đồng, góp phần gắn kết tình làng nghĩa xóm, xã đang phổ biến để triển khai nhân rộng mô hình này đến các thôn trên địa bàn xã. Với thành tích đã đạt được, ngày 25/12/2023 UBND huyện đã ban hành Quyết định số 5257/QĐ-UBND về việc khen thưởng mô hình “Tổ hòa giải điểm” thôn An Thung, xã Tiên Cường.

*Đánh giá kết quả: Đạt.*

*Chỉ tiêu 16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành:*

Công tác hoà giải ở cơ sở cũng được UBND xã quan tâm, thường xuyên củng cố, kiện toàn tổ hoà giải đảm bảo quy định của pháp luật, phù hợp với tình hình thực tế ở từng địa bàn. Kết quả:

+ Các tổ hòa giải tại xã hoạt động tích cực, có hiệu quả. Trong năm 2023 đã hòa giải thành công 02/02 vụ việc phát sinh tại cơ sở, đạt 100%.

+ Hằng năm, UBND xã chi hỗ trợ mua văn phòng phẩm, họp tổ hòa giải 100.000đ/tổ/năm, đối với vụ việc hòa giải thành chi 200.000đ/vụ/tổ; ngoài ra xã huy động công tác xã hội hóa kinh phí cho hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở; thường xuyên phối hợp với các cơ quan, đoàn thể tổ chức hội nghị tập huấn nâng cao năng lực, trình độ cho đội ngũ hòa giải viên cơ sở.

*Đánh giá kết quả: Đạt.*

*Chỉ tiêu 16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu:*

Công tác trợ giúp pháp lý tiếp tục được duy trì; số lượng người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu năm 2023 đạt 100% (02/02 người), năm 2023 có 02/02 công dân thuộc diện trợ giúp pháp lý được tiếp cận dịch vụ trợ giúp pháp lý theo quy định, đạt tỷ lệ 100%.

*Đánh giá kết quả: Đạt.*

c. Tự đánh giá: Đạt tiêu chí.

## **17. Tiêu chí số 17 về Môi trường.**

a. Yêu cầu của tiêu chí:

17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường: Đạt

17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường: 100%

17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định (chỉ tiêu  $\geq 90\%$ ).

17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả  $\geq 50\%$

17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn  $\geq 50\%$ : Đạt

17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường 100%: Đạt

17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường

$\geq 80\%$

17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường  $\geq 95\%$

17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch: Đạt

17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng  $\geq 10\%$

17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn  $\geq 4m^2/người$

17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định  $\geq 90\%$

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

Chỉ tiêu 17.1: Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường:

Theo Quyết định số 1377/QĐ-UBND ngày 18/5/2023 của UBND huyện về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Tiên Cường đến năm 2030, xã Tiên Cường được phê duyệt 02 khu trang trại tổng hợp (tại khu vực Đầm Khê thôn Sinh Đan, diện tích 9,23ha; cống Ga thôn Thiên Kha, diện tích 1,0ha). Các hộ chăn nuôi có hệ thống thu gom, thoát nước thải riêng biệt; có hệ thống xử lý chất thải chăn nuôi bằng hầm Biogas, ao lắng, hồ sinh học, sử dụng đệm lót sinh học; có công trình thiết bị thu gom, lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải rắn nguy hại và công trình xử lý mùi phát sinh theo quy định, không gây ô nhiễm môi trường; đều có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường đảm bảo đúng theo quy định.

Xã không có khu kinh doanh, dịch vụ và khu giết mổ gia súc, gia cầm tập trung.

Đánh giá kết quả: Đạt.

Chỉ tiêu 17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường:

Trên địa bàn xã có 2 doanh nghiệp lớn đang hoạt động sản xuất kinh doanh trong Cụm công nghiệp Tiên Cường I; 01 cửa hàng Xăng dầu (đạt 100%) các cơ sở này thuộc đối tượng và đã hoàn thiện việc lập hồ sơ môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Lượng rác thải sinh hoạt, công nghiệp, nguy hại phát sinh trong quá trình sản xuất, kinh doanh được thu gom, lưu chứa và bàn giao cho đơn vị có chức năng xử lý. Còn lại hầu hết là các cơ sở nhỏ lẻ khác thường xuyên được UBND xã kiểm tra, nhắc nhở việc thực hiện các biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường.

Toàn xã hiện có 17 hộ nuôi trồng thủy sản theo hình thức quảng canh, không có hiện tượng dư thừa hoá chất chăn nuôi gây ảnh hưởng tới nguồn nước.

Trên địa bàn xã hiện không có làng nghề.

*Đánh giá kết quả: Đạt.*

*Chỉ tiêu 17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định:*

Hiện tại xã có 7 tổ thu gom rác thải sinh hoạt thực hiện trên 06 thôn. Lượng rác thải sinh hoạt phát sinh 1.678,7 tấn/năm. Lượng rác thải được các tổ thu gom và tập kết tại bãi rác tạm của xã 1.645,5 tấn/năm, tỷ lệ thu gom đạt 98%, lượng rác thải sinh hoạt của nhân dân trong xã sau khi được phân loại từ các hộ dân sẽ được thu gom về các vị trí tập kết tại các điểm tập kết rác tạm của các thôn. Đối với rác thải hữu cơ, sẽ tiến hành xử lý bằng phương pháp chôn lấp và xử lý hóa chất hữu cơ tại 2 bãi rác tạm của xã. Trên địa bàn xã không còn lượng rác thải tồn lưu trong dân cư quá 24h. UBND xã đã lập đề án **“Phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn xã Tiên Cường”** và đang thương thảo ký hợp đồng với Công ty TNHH Vũ Gia –HD để triển khai thực hiện, dự kiến hoàn thành trong tháng 8 năm 2024.

*Đánh giá kết quả: Đạt.*

*Chỉ tiêu 17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả:*

Xã có 1.972/1.972 hộ đạt 100% các hộ gia đình trên địa bàn xã đã chủ động đầu tư xây dựng bể phốt ba ngăn, nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý tại chỗ sau đó được đưa qua hệ thống thu gom, cống thoát nước chung của khu vực trước khi thải ra ngoài môi trường.

*Đánh giá kết quả: Đạt.*

*Chỉ tiêu 17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn:*

Thực hiện Kế hoạch số 260/KH-UBND ngày 21/11/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về nhiệm vụ, giải pháp tổng thể thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch số 313/KH-UBND ngày 06/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố về thực hiện công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn thành phố năm 2024; Kế hoạch số 202/KH-UBND ngày 15/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Tiên Lãng về thực hiện công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện năm 2024; Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 04/01/2024 của Ủy ban nhân dân huyện về triển khai thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn huyện; Công văn số 20/UBND-TNMT ngày 04/01/2024 của UBND huyện về việc triển khai thực hiện công tác thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH năm 2024 và phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn huyện;

Ủy ban nhân dân xã ban hành Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 09/01/2024 về việc thực hiện công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn xã năm 2024; Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 10/01/2024 về việc triển khai thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn xã Tiên Cường.

Đảng ủy xã ban hành Nghị quyết số 19-NQ/ĐU ngày 04/6/2024 về việc phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải trên địa bàn xã Tiên Cường;

Đến nay, 100% các thôn (6/6 thôn) đã triển khai thực hiện phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn, tỷ lệ 988/1.972 hộ đạt 50,1%, lượng rác này được vận chuyển ra ngoài bãi rác để ủ vi sinh; ngoài ra, một số hộ dân có đất rộng, vườn ao xen kẽ rác hữu cơ như cơm thừa, rau, củ quả...sau khi người dân sử dụng sẽ đổ xuống ao nuôi cá, đun nấu làm thức ăn cho gia súc, hoặc đổ ra vườn để rác hữu cơ tự phân huỷ. Lộ trình triển khai thực hiện đến 31/12/2024 sẽ đạt tỷ lệ 100%.

*Đánh giá kết quả: Đạt.*

*Chỉ tiêu 17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường:*

Rác thải nguy hại trên địa bàn xã hiện nay gồm có 02 hình thức thu gom, xử lý theo quy định:

+ Đối với rác thải nguy hại phát sinh trong nhân dân và vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật trên cánh đồng, hàng năm thực hiện Kế hoạch của UBND huyện về việc tổ chức thu gom, vận chuyển và xử lý vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trên cánh đồng, UBND xã đã chủ động ban hành kế hoạch chỉ đạo các hội, đoàn thể tổ chức việc thực hiện thu gom vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật trên cánh đồng toàn xã, đảm bảo nâng cao ý thức cho toàn thể nhân dân trong xã không để tình trạng vứt bừa bãi vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trên cánh đồng, kênh mương; tuyên truyền vận động nhân dân tập kết rác thải nguy hại phát sinh hàng ngày gồm (pin thải, bóng đèn huỳnh quang...) tại các điểm tập kết để được thu gom và bàn giao cho đơn vị có chức năng để xử lý. Hàng năm, toàn bộ vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật, thuốc trừ sâu, thuốc trừ cỏ sau mỗi vụ phun thuốc bảo vệ thực vật trên các cánh đồng được thu gom vào các bể đặt trên cánh đồng (25 bể). Định kỳ 2 lần/năm chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng đến thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định. Tổng lượng vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật được thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định: 80-200kg/năm, đạt 100%;

+ Đối với rác thải y tế nguy hại phát sinh tại trạm y tế: Hiện trên địa bàn xã có 01 trạm y tế, lượng chất thải y tế phát sinh là 21,9 kg/năm; toàn bộ lượng chất thải y tế phát sinh được phân loại tại nguồn và được ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định của ngành về quản lý chất thải y tế đạt tỷ lệ 100%.

*Đánh giá kết quả: Đạt.*

*Chỉ tiêu 17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái*

*sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường:*

Chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp thường là các loại vỏ, thân, lá cây trồng sau thu hoạch được người dân xử lý ngay tại đồng ruộng, vườn sản xuất bằng các hình thức cày lật đất, ngâm ủ với chế phẩm sinh học làm phân bón. Tổng lượng chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom tái sử dụng với khối lượng 80 tấn/năm, đạt 100%.

*Đánh giá kết quả: Đạt.*

*Chỉ tiêu 17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường*

Tổng số cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường là 144 cơ sở (trong đó 120 nông hộ, 21 hộ chăn nuôi tập trung, 3 hộ trang trại); số cơ sở đạt cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường là 138/144 cơ sở; đạt 95,8%.

*Đánh giá kết quả: Đạt.*

*Chỉ tiêu 17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch:*

Hiện trên địa bàn xã có 6 nghĩa trang nhân dân ở 6 thôn hiện này đã có quy chế quản lý đảm bảo hoạt động theo đúng quy định cũng như việc mai táng được thực hiện phù hợp với phong tục tập quán tại địa phương. Theo quy hoạch UBND xã đã quy hoạch vị trí đất 2,3 ha để xây dựng nghĩa trang tập trung tại khu vực thôn Đại Công 0,9 ha; thôn Tiên Cựu 0,7 ha; thôn Thiên Kha 0,7 ha. Trên địa bàn xã không có cơ sở hỏa táng.

*Đánh giá kết quả: Đạt.*

*Chỉ tiêu 17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng*

Do phong tục tập quán nhân dân địa phương nên vẫn sử dụng hình thức hun tẩm, cát tẩm, trong năm 2023 có 61 ca tử vong, sử dụng hình thức hỏa táng 42 ca, đạt 68,8%; trong 6 tháng đầu năm 2024 số ca tử vong là 40 ca, sử dụng hình thức hỏa táng 31 ca; đạt 77,5%.

*Đánh giá kết quả: Đạt.*

*Chỉ tiêu 17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn  $\geq 4m^2$ /người:*

Xã thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo cả hệ thống chính trị, các thôn trong xã tập trung đẩy mạnh phong trào xây dựng cảnh quan, đảm bảo vệ sinh môi trường xanh – sạch – đẹp trên địa bàn. Chỉ đạo các thôn quy hoạch và trồng cây cảnh quan trên các tuyến đường trục thôn và nhà văn hóa thôn ...

Xã không quy hoạch diện tích đất cây xanh mới, diện tích đất cây xanh hiện có tại các điểm công cộng, cây xanh ven các tuyến đường giao thông là: Diện tích đất cây xanh tại các điểm công cộng của 6 thôn: 800 m<sup>2</sup>; diện tích đất giao thông trồng cây xanh là 17.290 m<sup>2</sup>; diện tích đất trụ sở, các cơ quan, các khu di tích, khu tôn giáo, tín ngưỡng trên địa bàn xã trồng cây xanh là 10.500 m<sup>2</sup>. Vậy, diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư là 28.590 m<sup>2</sup>/6.973 người = 4,1m<sup>2</sup>/người.

*Đánh giá kết quả: Đạt.*

*Chỉ tiêu 17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định:*

Đối với chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn gồm các loại: Loại có giá trị cao được nhân dân tận thu bán cho đơn vị thu gom (tỷ lệ 100%), loại có giá trị thấp như túi nilon được người nhặt rác thải tại bãi rác tận thu (tỷ lệ khoảng trên 60%), loại không có giá trị hiện nay vẫn được thu gom, xử lý tại bãi rác tạm. Các tổ thu gom rác thải tại các cơ sở thôn bố trí lực lượng thu gom, phân loại tại bãi, hạn chế lượng chôn lấp. Lượng chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn khoảng 30%/tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt, lượng chất thải nhựa được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý hiện nay 302/335 tấn/năm đạt 90%. Thời gian tới, sau khi UBND xã ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và tái chế chất thải nhựa đảm bảo theo quy định.

*Đánh giá kết quả: Đạt.*

c. Tự đánh giá: Đạt tiêu chí.

## **18. Tiêu chí số 18 về Chất lượng môi trường sống**

a. Yêu cầu của tiêu chí:

*18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung ≥ 65%*

*18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm ≥ 80 lít*

*18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững ≥ 45%*

*18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm 100%*

*18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã*

*18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm 100%*

*18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch 100%*

*18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường 100%. Đạt*



b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

*Chỉ tiêu 18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung  $\geq 65\%$ :*

Hiện nay, các hộ dân trên địa bàn xã Tiên Cường đang sử dụng nước của 2 nhà máy: Nhà máy nước Tiên Cường và Nhà máy nước Đại Thắng; chất lượng nước cung cấp đạt tiêu chuẩn của Bộ y tế. Theo kết quả điều tra thu thập thông tin 100% hộ (1.972/1.972hộ) được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ 2 nhà máy trên.

*Đánh giá kết quả: Đạt.*

*Chỉ tiêu 18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm  $\geq 80$  lít:*

Thực hiện chương trình nước sạch nông thôn của thành phố, từ năm 2012 trên địa bàn xã đã sử dụng nước máy của nhà máy nước Tiên Cường do Công ty Cổ phần xây dựng Hùng Huy và nhà máy nước Đại Thắng do Công ty TNHH kinh doanh thương mại tổng hợp Hải Sơn quản lý. Lượng nước sinh hoạt được cung cấp đáp ứng nhu cầu sử dụng của nhân dân bình quân 110 lít/người/ngày đêm.

*Đánh giá kết quả: Đạt.*

*Chỉ tiêu 18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững  $\geq 45\%$*

UBND xã đã tổ chức ký thỏa thuận dịch vụ cấp nước với Nhà máy nước Tiên Cường; Đại Thắng. UBND xã phối hợp với các cơ quan chuyên môn tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động của nhà máy nước; giám sát việc thực hiện các điều khoản trong thỏa thuận dịch vụ cấp nước đã ký. Yêu cầu nhà máy nước xây dựng kế hoạch cấp nước an toàn.

*Đánh giá kết quả: Đạt.*

*Chỉ tiêu 18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm 100%*

Hàng năm Trạm Y tế tham mưu, phối hợp với ban văn hóa, mặt trận tổ quốc xã, nông nghiệp, xây dựng Kế hoạch quản lý an toàn thực phẩm, thành lập các đoàn kiểm tra, viết tin bài tuyên truyền về an toàn thực phẩm trên hệ thống truyền thanh xã và các thôn. Ký cam kết với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm đạt 100%. Chủ động mở lớp tuyên truyền phổ biến kiến thức về an toàn thực phẩm cho 2/2 bếp ăn tập thể và 450 hộ gia sản xuất nông nghiệp, kinh doanh thực phẩm.

*Đánh giá kết quả: Đạt.*

*Chỉ tiêu 18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã*

Trong những năm vừa qua, công tác đảm bảo an toàn thực phẩm luôn được

xã quan tâm triển khai thực hiện với nhiều giải pháp đồng bộ. Xã đẩy mạnh công tác giám sát an toàn thực phẩm trước các sự kiện quan trọng nhất là trong những dịp Lễ, Tết. Do vậy, trong năm vừa qua trên địa bàn xã không xảy ra các vụ ngộ độc về thực phẩm.

*Đánh giá kết quả: Đạt.*

*Chỉ tiêu 18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm 100%*

Trên địa bàn xã không có cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản thuộc đối tượng chứng nhận về an toàn thực phẩm. Nhưng có 11/11 hộ (100%) hộ sơ chế, chế biến nhỏ lẻ ký cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo quy định.

*Đánh giá kết quả: Đạt.*

*Chỉ tiêu 18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch:*

100% các hộ, gia đình (1.972/1.972 hộ) trên địa bàn xã có nhà tắm kín đáo, có tường và mái che; 100% các hộ có bể trữ nước sinh hoạt bằng bồn inox hoặc nhựa, có những gia đình xây bằng gạch và bê tông có dung tích dao động từ 1,5 – 4 m<sup>3</sup>/hộ đảm bảo có nơi trữ nước sạch cho sinh hoạt. Kết quả cho thấy đời sống vật chất của người dân được cải thiện thì nhận thức và trách nhiệm về vệ sinh môi trường càng được nâng cao, đáp ứng tiêu chí 3 sạch trong cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch” do Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam phát động.

*Đánh giá kết quả: Đạt.*

*Chỉ tiêu 18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường:*

Hiện nay, xã Tiên Cường đang duy trì hoạt động 02 bãi rác tại thôn Đại Công, Thôn Thiên Kha (xã đang xây dựng kế hoạch đóng cửa bãi rác tạm thôn Đại Công dự kiến sẽ đóng cửa trong năm 2024); bãi rác tạm tại thôn Thiên Kha sẽ được duy trì để xử lý rác thải sinh hoạt của nhân dân toàn xã. UBND xã dự kiến ký Hợp đồng với Công ty TNHH Vũ Gia- HD để thu gom rác thải từ các vị trí tập kết trên địa bàn xã sau đó vận chuyển về khu xử lý theo quy định đảm bảo vệ sinh môi trường. Để đảm bảo vệ sinh môi trường tại điểm tập kết rác tạm, hạn chế rác thải chôn lấp, trong thời gian tới UBND xã nghiên cứu mô hình phân loại, tách lọc rác thải sinh hoạt và xử lý rác hữu cơ bằng vi sinh giao cho các đơn vị cấp thôn triển khai thực hiện nhằm giảm thiểu lượng rác thải sinh hoạt phải chôn lấp. Hiện nay, Ủy ban nhân dân xã đang cho cải tạo lại bãi rác tạm để áp dụng phương pháp phân loại, tách lọc, ủ rác hữu cơ bằng vi sinh để giảm thiểu lượng rác thải chôn lấp.

*Đánh giá kết quả: Đạt.*

c. Tự đánh giá: Đạt tiêu chí.

## **19. Tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh**

a. Yêu cầu của tiêu chí:

19.1. *Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy Quân sự xã và lực lượng dân quân: Đạt*

19.2. *Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả: Đạt*

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

*Chỉ tiêu 19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy Quân sự xã và lực lượng dân quân: Đạt*

Ban CHQS xã có đủ 4 chức danh; đúng cơ thành phần,

Trình độ chuyên môn chỉ huy trưởng, Phó chỉ huy trưởng, có trình độ chuyên môn trung cấp, chỉ huy trưởng có trình độ Đại Học, Chính trị viên bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm, Chính trị viên phó đồng chí bí thư đoàn Thanh Niên đảm nhiệm,

Năm 2023 đã Thành lập chi bộ QS xã gồm: 5 đ/c

Trong đó: 4 đ/c là cán bộ công chức, 01 đ/c là trung đội trưởng DQ xã do đồng chí bí thư Đảng ủy là bí thư chi bộ, đồng chí chỉ huy trưởng là phó bí thư chi bộ QS xã,

Biên chế lực lượng dân quân : 65 đ/c gồm:

Ban CHQS xã : 04 đ/c

Bên chế: 01 trung đội DQCD : 28 đ/c

Biên chế: 6 tiểu đội DQTC: 18 đ/c

Biên chế 05 tổ Binh chủng bảo đảm : 15 đ/c

Biên chế : 01 khẩu đội Cối 60: 03 đ/c

\* Công tác xây dựng huấn luyện lực lượng dân quân:

Ngay từ đầu năm Ban CHQS xã đã tham mưu cho UBND xã xây dựng kế hoạch số: 02/ KH – BCH ngày 11/02/2024 về việc tổ chức huấn luyện lực lượng dân quân xã năm 2024;

Tổ chức kết nạp cho: 18 đ/c chiến sỹ dân quân mới (có danh sách kèm theo)

Công nhận hoàn thành nghĩa vụ DQ cho: 18 đ/c (có danh sách kèm theo)

Đã tổ chức huấn luyện cho: 28 đ/c dân quân cơ động thời gian 12 ngày

Đã tổ chức huấn luyện cho: 18 đ/c dân quân tại chỗ, thời gian 7 ngày kết quả đạt khá (có danh sách kèm theo)

\* Công tác tổ chức biên chế, kiểm tra, huấn luyện LLDBĐV

Tổng số QNDB xã: 593 đ/c trong đó sĩ quan dự bị 07 đ/c

Quân nhân dự bị hạng 1 là: 232 đ/c

Quân nhân dự bị hạng 2 là: 354 đ/c trong năm đã hoàn thành 100% chỉ tiêu kiểm tra động viên theo kế hoạch cấp trên,

Biên chế lực lượng dự bị động viên: 106 đ/c

Biên chế 02 trung đội thuộc tiểu đoàn cao xạ Lữ đoàn 242, QK3 : 85 đ/c trong đó 02 đ/c là sỹ quan dự bị,

Kiện toàn và biên chế 02 tiểu đội trinh sát phòng thủ đảo 179, bạch Long Vĩ là: 13 đ/c 01 đ/c là sỹ quan dự bị;

Dự trữ của bộ: Quân khu 3: 54 đ/c trong đó có 02 đ/c là sỹ quan dự bị

Tổng hạ sỹ quan binh sỹ của 02 đơn vị: 106 đ/c,

Công tác tuyển chọn và gọi công dân lên đường nhập ngũ hằng năm Đảng ủy có Nghị quyết chuyên đề về công tác tuyển chọn và gọi công dân lên đường nhập ngũ trong 04 năm địa phương đã có: 58 công dân nhập ngũ;

\* Khen thưởng trong 04 năm niên tiếp ban CHQS đều được cấp trên khen thưởng (có giấy khen kèm theo)

+ Thực hiện công tác giáo dục quốc phòng và an ninh

Thường xuyên coi trọng đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kiến thức, năng lực cho độ ngũ cán bộ Ban Chỉ huy Quân sự, làm tốt công tác tuyển chọn, quy hoạch nguồn gắn với đào tạo, bố trí sử dụng đội ngũ cán bộ quân sự xã để từng bước đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quân sự, quốc phòng trong tình hình mới. Thực hiện tốt công tác phổ biến kiến thức về quốc phòng và an ninh cho toàn dân; bồi dưỡng kiến thức về quốc phòng và an ninh cho đối tượng 4; giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh theo quy định của Tổ chức biên chế lực lượng dân quân có chất lượng tổng hợp đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, quân sự của địa phương; đăng ký, quản lý, bảo quản và sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật: Thực hiện đúng theo quy định tại Thông tư số 76/2020/TT-BQP ngày 23/6/2020 và Thông tư số 77/2020/TT-BQP ngày 23/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Làm tốt công tác bồi dưỡng, phát triển đảng viên trong lực lượng dân quân xã, nâng tỷ lệ đảng viên trong lực lượng dân quân lên trên 18% (theo Kết luận số 41-KL/TW ngày 31/3/2009 của Ban Bí thư Trung ương Đảng); thôn đội trưởng, tiểu đội trưởng dân quân thường trực, trung đội trưởng dân quân thường trực, trung đội trưởng dân quân cơ động, dân quân biên Hải đội thường trực là đảng viên.

Hằng năm, được giáo dục chính trị - pháp luật, tập huấn, huấn luyện quân sự đủ nội dung, thời gian, chương trình theo quy định tại Thông tư số 69/2020/TT-BQP ngày 15/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu theo quy định tại Thông tư số 43/2020/TT-BQP ngày 23/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Duy trì hoạt động phối hợp của lực lượng dân quân xã với các lực lượng khác. Thực hiện đúng theo quy định tại Nghị định số 02/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ và các quy định khác của pháp luật.

Tổ chức lực lượng dân quân xã tham gia làm nòng cốt trong Đội xung kích phòng chống thiên tai ở xã; tham gia diễn tập chiến đấu trong khu vực phòng thủ và diễn tập phòng thủ dân sự theo kế hoạch của cấp có thẩm quyền; bảo đảm an toàn.

Hàng năm, tổ chức thực hiện tốt theo đúng trình tự, thủ tục đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ tham gia lực lượng dân quân; xét duyệt, kết nạp dân quân mới và trao quyết định công nhận dân quân đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia lực lượng dân quân xã theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện chế độ, chính sách; giải quyết khiếu nại, tố cáo

Thực hiện đúng chế độ, chính sách cho lực lượng dân quân và lực lượng dự bị động viên; chính sách hậu phương quân đội theo quy định của pháp luật. Giải quyết tốt các vấn đề mới nảy sinh, không để xảy ra vụ việc khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác quân sự, quốc phòng ở địa phương

+ Kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng

Thực hiện có hiệu quả việc kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng, bảo đảm tuân thủ đúng quy định pháp luật (*theo khoản 2 Điều 15 Luật Quốc phòng và Nghị định số 164/2018/NĐ-CP ngày 21/12/2018 của Chính phủ*). Thực hiện có hiệu quả Phong trào “*Quân đội chung sức xây dựng nông thôn mới*”. Tuyên truyền vận động Nhân dân thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Kết hợp huấn luyện dân quân, dự bị động viên với làm công tác dân vận. Phối hợp thực hiện tốt chính sách xã hội, chính sách hậu phương quân đội; tham gia xây dựng cơ sở chính trị vững mạnh toàn diện.

+ Công tác tuyên truyền, thi đua, khen thưởng

Quán triệt và tổ chức tuyên truyền, vận động Nhân dân chấp hành nghiêm chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; nâng cao nhận thức, trách nhiệm về nhiệm vụ quốc phòng, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Chỉ đạo 100% thành viên Ủy ban nhân dân, Ban CHQS, các ban ngành, đoàn thể của xã tham gia trang facebook “Tôi yêu chiến sỹ sao vuông” và “Yêu người chiến sỹ Dân quân tự vệ Việt Nam”; tham gia đấu tranh chống các thế lực thù địch trên không gian mạng.

Tiếp tục tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương những chủ trương, giải pháp lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt các tiêu chí 19.1 về “Duy trì và nâng cao tiêu chí xây dựng lực lượng dân quân vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng; bảo đảm chỉ tiêu chất lượng công tác tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ; thực hiện tốt chính sách xã hội, chính sách hậu phương quân đội; phối hợp chặt chẽ các lực lượng nắm chắc tình hình, không để bị động, bất ngờ; giải quyết

kip thời các tình huống phát sinh từ cơ sở; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường ổn định phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

*Đánh giá kết quả: Đạt.*

*Chỉ tiêu 19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả:*

Cấp uỷ, chính quyền luôn xác định an ninh trật tự được đảm bảo là cơ sở để giữ vững ổn định chính trị, thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội và góp phần thực hiện có hiệu quả mọi nhiệm vụ của địa phương trong xây dựng Nông thôn mới. Từ đó, chú trọng tập trung công tác tuyên truyền, giáo dục và nâng cao ý thức cảnh giác, vận động để người dân tự giác tham gia xây dựng Nông thôn mới; xây dựng thôn, xóm ổn định về an ninh chính trị, đảm bảo trật tự an toàn xã hội. Xã đã tổ chức cho Nhân dân ký cam kết làm nhiều việc tốt về an ninh trật tự; đưa việc thực hiện tiêu chí an toàn về an ninh, trật tự xã hội là một trong những tiêu chuẩn bình xét gia đình văn hoá, thôn văn hoá. Xã có 01 mô hình “Liên kết bảo đảm an ninh trật tự 3 xã quốc lộ 10” xây dựng từ năm 2016 hoạt động hiệu quả từ năm 2016 đến nay.

Xã đang triển khai xây dựng mô hình “Camera an ninh” trên phạm vi toàn xã, đã báo cáo trình Đảng uỷ Công an thành phố phê duyệt; mô hình "Tổ liên gia về phòng cháy và chữa cháy tại thôn Thiên Kha"; Mô hình "Thôn an toàn PCCC thôn Đại Độ"; Mô hình “Điểm chữa cháy công cộng tại thôn Đại Độ”. Bên cạnh đó, tiếp tục phát huy nhiều mô hình quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động có hiệu quả. Hằng năm, Đảng uỷ xã có nghị quyết, Ủy ban nhân dân xã có kế hoạch về công tác bảo đảm an ninh, trật tự; chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác bảo đảm an ninh, trật tự và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Năm 2023, phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc xã đạt loại khá. Không có vụ phạm tội về trật tự xã hội; tệ nạn xã hội; tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm so với năm trước; Xã không để xảy ra trọng án nghiêm trọng, không có khiếu kiện đông người vượt cấp trái phép theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy nổ) nghiêm trọng trở lên theo quy định của Bộ Công an. Các mô hình phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc đang phát huy hiệu quả đảm bảo an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã.

*Đánh giá kết quả: Đạt.*

c. Tự đánh giá: Đạt tiêu chí.

## **VI. Đánh giá chung**

### **1. Những mặt đã làm được**

Trong những năm qua xã Tiên Cường bắt tay vào xây dựng Nông thôn mới nâng cao trên cơ sở kế thừa lồng ghép và phát huy các thành quả về kinh tế - xã hội, hạ tầng kỹ thuật đã được khởi nguồn và đầu tư xây dựng từ những năm trước đây với mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.

Bộ máy chỉ đạo tổ chức thực hiện chương trình Nông thôn mới gồm Ban Chỉ đạo, Ban Quản lý, Ban Phát triển thôn, từ xã đến thôn, đã được thành lập, hàng năm được củng cố kiện toàn đi vào hoạt động có hiệu quả, công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện của cấp uỷ, chính quyền được duy trì thường xuyên. Nhận thức của cán bộ, Nhân dân về mục đích và ý nghĩa, nội dung chương trình xây dựng Nông thôn mới đã có chuyển biến tích cực, xác định rõ vai trò chủ thể của người dân nông thôn, trách nhiệm của cấp uỷ, chính quyền vai trò khí thế thi đua sôi nổi rộng khắp ở các thôn, khích lệ người dân tích cực tham gia hưởng ứng thực hiện chương trình phong trào xây dựng Nông thôn mới được tổ chức thực hiện đồng bộ trên địa bàn xã, dân chủ được nâng cao. Bộ mặt nông thôn được đổi mới, cơ sở hạ tầng thiết yếu được nâng cấp, hệ thống chính trị cơ sở tiếp tục được củng cố giữ gìn ổn định, tình hình chính trị ở địa phương là cơ sở động lực cho phát triển kinh tế và xây dựng Nông thôn mới, thu nhập và đời sống của Nhân dân được cải thiện nâng cao.

## **2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân**

### **2.1. Về tồn tại hạn chế**

Công tác chỉ đạo và điều hành phối hợp giữa các tổ chức và đoàn thể còn thiếu chặt chẽ, nhất là quán triệt triển khai cho các chi hội, hội viên, đoàn viên của tổ chức mình trong việc thực hiện xây dựng Nông thôn mới nâng cao chưa được thường xuyên và đồng bộ.

Hoạt động của các thành viên Ban Phát triển thôn còn ở mức độ, một số thành viên chưa nhiệt tình tích cực quyết liệt chỉ tập trung vào Trưởng, Phó ban và một số ngành chuyên môn chính. Việc huy động đóng góp của Nhân dân vào xây dựng Nông thôn mới còn hạn chế, bên cạnh đó đại bộ phận Nhân dân là thuần nông cho nên huy động trong Nhân dân cũng gặp nhiều khó khăn.

### **2.2. Về nguyên nhân**

Từ khi bắt tay vào xây dựng Nông thôn mới nâng cao, khối lượng công việc rất nhiều, cấp xã không có bộ phận chuyên môn tất cả đều là công việc kiêm nhiệm.

Một số cán bộ trong Ban Chỉ đạo, Ban Quản lý xây dựng Nông thôn mới xã chưa nhận thức đầy đủ về vai trò trách nhiệm, ý thức nội dung chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới nâng cao, chưa có giải pháp chủ động trong quá trình tổ chức thực hiện công việc nhiệm vụ được phân công phụ trách do đó có hạng mục công trình triển khai chậm.

Nguồn lực thực hiện cho chương trình tập trung chủ yếu về xây dựng cơ sở hạ tầng, trong khi đó nhiều tiêu chí cần nguồn lực thực hiện như: Tiêu chí 2, Tiêu chí 5; Tiêu chí số 17 mà nguồn lực trong nhân dân còn hạn chế.

### **3. Bài học kinh nghiệm**

Qua thời gian triển khai thực hiện chương trình cho thấy, xây dựng Nông thôn mới nâng cao, cán bộ phải kiêm nhiệm, là chương trình tổng hợp, kinh tế xã hội về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, vì vậy để thực hiện có hiệu quả phải có sự quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị, đề cao vai trò của Ban Quản lý xây dựng Nông thôn mới nâng cao, có kế hoạch cụ thể của cấp uỷ, chính quyền, nhất là vai trò của người đứng đầu trong việc thực hiện chương trình. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới nâng cao làm cho bộ mặt nông thôn, gắn liền với quyền lợi thiết thực của nông dân, giảm chi phí lao động, nâng cao giá trị sản xuất, kinh nghiệm, phương châm định hướng xây dựng Nông thôn mới nâng cao từ giao thông, giáo dục trước, sau đến các công trình môi trường, văn hóa... Trước tiên cần quán triệt sâu sắc cho cán bộ, đảng viên về quy định, về cơ chế chính sách trong xây dựng Nông thôn mới nâng cao, đồng thời cần làm tốt công tác tuyên truyền, vận động phát huy tính chủ động sáng tạo của người dân đặc biệt là việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai minh bạch với phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân hưởng thụ”, thực sự quan tâm đến lợi ích của người dân, quán triệt quan điểm, định hướng để người dân đứng vai trò chủ thể.

Về phương pháp tổ chức thực hiện và kinh nghiệm thực hiện chương trình trước mắt cần tập trung cao để thực hiện các công trình đặc thù trước, vì người dân là trực tiếp hưởng lợi, cho nên người dân phải được thông suốt bàn bạc thống nhất và tự thực hiện có sự chỉ đạo, quản lý giám sát của Ban Quản lý xây dựng Nông thôn mới và giám sát của cộng đồng, phải luôn có giải pháp phù hợp, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để chỉ đạo thực hiện công tác tuyên truyền biểu dương về tổ chức cá nhân gương mẫu đi đầu trong việc thực hiện chương trình Nông thôn mới của thôn, xóm cần được liên tục kịp thời làm động lực thúc đẩy việc vận động xây dựng Nông thôn mới.

### **4. Một số mô hình nông thôn mới tiêu biểu**

Qua phát động phong trào xây dựng Nông thôn mới, Nông thôn mới nâng cao đến nay toàn xã đã xây dựng và nhân rộng được một số mô hình, điển hình trên các lĩnh vực. Các mô hình triển khai đã đạt được hiệu quả thiết thực, đến nay được quan tâm, duy trì và nhân rộng, tạo được sự đồng thuận trong Nhân dân góp phần ngăn chặn, đẩy lùi tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Thông qua đó đã vận động Nhân dân phát huy nội lực, giúp nhau trong sản xuất kinh doanh, phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập, phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội của địa phương cụ thể:



- Mô hình: Camera an ninh;
- Mô hình: Liên kết bản đảm ANTT Đại Thắng, Tiên Cường, Tự Cường;
- Mô hình: Tổ liên gia về phòng cháy và chữa cháy tại thôn Thiên Kha;
- Mô hình: Thôn an toàn PCCC thôn Đại Độ;
- Mô hình: Điểm chữa cháy công cộng tại thôn Đại Độ;
- Mô hình: Tổ hoà giải điểm thôn An Thung;
- Mô hình: Nông dân - An toàn giao thông;
- Mô hình: Dịch vụ công trực tuyến.

## **VI. Kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới nâng cao.**

### **1. Quan điểm.**

Tiếp tục phát huy những kết quả đạt được, bám sát vào các văn bản chỉ đạo, mục tiêu của Trung ương, thành phố và huyện để đề ra được Chương trình xây dựng nông thôn mới với mục tiêu sát với tình hình thực tế; xác định tiêu chí, nhiệm vụ cụ thể cần tập trung nâng cao chất lượng, phát huy tiềm năng, thế mạnh của xã, trên cơ sở phát triển nông nghiệp bền vững, theo hướng thuận thiên, dựa vào các quy luật của tự nhiên để phát triển. Cơ sở hạ tầng được quy hoạch, phát triển đồng bộ, hiện đại theo hướng chủ động, thông minh, thích ứng biến đổi khí hậu, đảm bảo an toàn trước thiên tai; tài nguyên thiên nhiên được quản lý, sử dụng hợp lý; đa dạng sinh học và truyền thống văn hóa lịch sử được duy trì và tôn tạo, đời sống vật chất, tinh thần của người dân được nâng cao, coi trọng nâng cao chất lượng và trình độ của đội ngũ cán bộ, nhất là ở cơ sở ngày càng chuyên nghiệp.

### **2. Mục tiêu.**

Tiếp tục triển khai thực hiện chương trình gắn với thực hiện có hiệu quả Đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp, cơ giới hóa nông nghiệp nông thôn đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững; thực hiện xây dựng xã Nông thôn mới nâng cao, thôn nông thôn mới kiểu mẫu. Nâng cao đời sống, vật chất và tinh thần của người dân, thúc đẩy bình đẳng giới. Xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ và từng bước hiện đại, đảm bảo môi trường, cảnh quan sáng, xanh, sạch, an toàn, giàu bản sắc văn hóa truyền thống, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững. Duy trì nâng cao các tiêu chí đã hoàn thành, làm cơ sở thực hiện NTM kiểu mẫu hoàn thành trước năm 2025.

### **3. Giải pháp.**

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ và Nhân dân, nâng cao chất lượng các phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới. Thường xuyên cập nhật, phổ biến các mô hình, các điển hình tiên tiến, sáng kiến và kinh

nghiệm hay về xây dựng nông thôn mới để nhân ra diện rộng.

- Tập trung chỉ đạo rà soát mục tiêu để hoàn thành và vượt chỉ tiêu; chủ động bắt tay vào xây dựng chương trình, kế hoạch xây dựng Nông thôn mới kiểu mẫu.

- Nâng cao thu nhập cho người dân theo hướng bền vững, ứng phó với biến đổi khí hậu, trong đó chú trọng hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống hạ tầng cơ bản ở nông thôn đảm bảo đồng bộ, kết nối phục vụ hoạt động sản xuất và sinh hoạt của người dân. Chú trọng đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn gắn với phát triển đô thị; kết nối liên xã, liên huyện; mở rộng và hiện đại hóa hệ thống cơ sở hạ tầng.

- Nâng cao chất lượng y tế, giáo dục, xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao để đẩy mạnh và nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, thể thao nông thôn, bài trừ tệ nạn xã hội, đảm bảo an ninh nông thôn; giữ vững và phát huy sự đa dạng, phong phú về văn hóa của các dân tộc.

- Tăng cường bảo vệ môi trường nông thôn (tăng tỷ lệ thu gom, xử lý: chất thải rắn, nước thải sinh hoạt, bao gói thuốc bảo vệ thực vật), tái sử dụng chất thải trong trồng trọt, chăn nuôi để làm phân bón đảm bảo đáp ứng được yêu cầu về vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm, cải tạo cảnh quan môi trường; tăng cường vận động người dân thực hiện phân loại rác tại nguồn, tập trung phát triển các mô hình thôn, xóm xanh - sạch - đẹp làm tiền đề cho phát triển du lịch nông thôn.

- Tăng cường thực hiện hiệu quả các giải pháp huy động nguồn lực thực hiện Chương trình theo hướng lồng ghép, thống nhất cơ chế đầu tư, hỗ trợ trên cùng địa bàn; có chính sách hỗ trợ từ ngân sách của Trung ương, thành phố và huyện phấn đấu hoàn thành Chương trình xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

- Tăng cường công tác giám sát trong xây dựng nông thôn mới, trong đó chú trọng quản lý chặt chẽ việc sử dụng các nguồn lực thực hiện Chương trình (bao gồm nguồn vốn ngân sách và các nguồn vốn huy động khác); tiếp tục phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội xã và giám sát của cộng đồng dân cư đối với xây dựng nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã Tiên Cường.

## **V. Đề xuất, kiến nghị**

Đề nghị Huyện, Thành phố có những cơ chế, chính sách đặc thù cho các địa phương thực hiện đầu tư hạ tầng cơ sở đảm bảo theo quy định và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Chỉ đạo các Sở, ngành, phòng ban có liên quan sớm ban hành văn bản hướng dẫn sử dụng nguồn sự nghiệp theo Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 18/7/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về xây dựng nông thôn mới thành phố

Hải Phòng giai đoạn 2021-2025 để các địa phương chủ động rà soát, đề xuất, thực hiện để hoàn thành một số chỉ tiêu, tiêu chí NTM cấp xã.

Trên đây là kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã. Ủy ban nhân dân xã Tiên Cường trân trọng báo cáo./.

***Nơi nhận:***

- UBND huyện;
- VP ĐP NTM huyện;
- TT Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ xã;
- Các ngành liên quan
- BCD, BQL, các Ban PTT;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Trần Văn Kết**